

PHÙNG TẤT ĐẮC

TRƯỚC ĐÈN

PHIẾM LUẬN



NHỮNG TÁC PHẨM HAY
Nhà xuất bản Tân Dân Hà Nội

Trước đèn

Phùng Cát Đắc

trước đèn

Phùng Tất Đặc

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Bibliothèque de France*

Thư viện Tiểu Lùn

trước đèn

PHÙNG TẤT ĐẶC

Nhà xuất bản TÂN DÂN
HÀ NỘI * 1939

Tặng Mộng Thanh

Bạn xa

MỤC LỤC

1. Tựa	13
2. Đề từ	19
3. Đi như ngày tháng xin thông thả	22
4. Dem mộng sự đấu với chân thân	39
5. Ngập ngừng then lục e hồng	57
6. Chử trình đáng giá ngàn vàng	70

7. Chữ tình là chữ chi chi	90	16. Người ta chê sự bất công	223
8. Sâu Thương chẳng vẹn chữ tòng	101	17. Tự do, bình đẳng, bác ái	236
9. Biết ai là đại, biết ai khôn	129	18. Cái lầm thiên cổ	243
10. Đốt lò hương, hỏi chuyện người ngày xưa	137	19. Ta uốn chứ không gãy	251
11. Thật thà có một, đơn sai chẳng hề	144	20. Mộc mạc ưa nhìn lọ điểm trang	257
12. Vốc hạt giống ném ra trước gió	165	21. Tri kỷ tìm nhau mắt đã mờ	261
13. Thế mà im chẳng dãi dằng	173	22. Ai định chung gì với thế nhân	273
14. Chỉ sống thôi, cũng không phải là vô tội	180	23. Bạc thiên tài không có bạn	279
15. Văn minh làm cho thân thể được đảm bảo	203	24. Bạt	286

CHẠ

*T*hoạt trông nhan đề cuốn sách này, tôi nghĩ đến câu mở đầu cuốn Lục Vân Tiên:

Trước đèn xem chuyện Tây Minh

Ngãm cười hai chữ nhân tình éo le!

Nhưng tôi lại nghĩ ngay đến câu trong truyện Kiều:

Cảo thơm lần giở trước đèn

vì trong cuốn *Trước Đèn*, tác giả đã đem tư tưởng người xưa ra lấy ý kiến và quan sát riêng mà bàn luận, suy tới những điều trái ngược trong xã hội hiện thời, ngõ hầu lưu lại một hai màu vẽ của nguồn tư tưởng thần thơ trong cõi Đông Tây.

*

Luồng tư tưởng ngày một biến thiên, những ý kiến, những tục lệ khi xưa, đến nay bị đánh đổ lần lần. Chẳng những thời gian mới có sức phá hoại: chỉ qua giới hạn một nước, sự trái ngược đã thấy ngay rồi.

Trong lúc xú ta làm chỗ gặp gỡ, xung đột, của hai nền văn minh khác hẳn nhau (có cần nhắc tới câu của Kipling?)

– trong lúc xã hội làm sân khấu cho bao nhiêu việc đáng cười đáng khóc, những việc cười nên tiếng khóc, những việc khóc bật ra cười trong lúc ta cần xem xét lại những quan niệm về cá nhân, về xã hội, ta có nên coi những ý kiến của tác giả – nhiều khi trái ngược với ý kiến thông thường là lời lẽ của một người ưa ngụy biện hơn là sự thật hay không?

Sự thật ở đâu?

Một bọn người họp nhau ngoài bãi biển chờ trời rạng đông, đánh cuộc với nhau xem ai sẽ ngó thấy mặt trời trước nhất. Ai nấy đều quay mặt về phía Đông, nghĩ rằng chỉ có người nào mất trí mới nhìn đi phương khác. Hay đâu có một người quay về phía Tây, mà lại ngó thấy mặt trời đầu tiên: mặt trời khi chưa nhô lên khỏi biển, ánh sáng đã chói một vầng trong đám mây phía Tây.

Muốn tìm ra sự thật, nhiều khi phải day lưng trở lại, đừng ngó những ý kiến thông thường.

*

Người nào tỉ mỉ hay hấp tấp, nếu dừng lại giữa một vài đoạn văn, có thể nêu ra trong cuốn này một vài chỗ cho là quá bạo về luân lý, hoặc có tính cách làm thoái chí người xem.

Nhưng tác phẩm này là một lối văn chương, mà văn chương không tất phải là sách giáo khoa hay lời cổ động.

Cho nên không thể bằng ở cách hiểu của một phần độc giả mà phán đoán cả tác phẩm được.

Bây giờ đây, số đông trong nước đang khuynh hướng về những sách đọc lấy vui tai khoái trí trong giây phút, tôi chắc rằng cuốn sách này sẽ có công dụng của nó: không những nó gọi ra cho người trí thức cái thú vị thanh cao của sự suy nghĩ, lại còn có thể giúp cho những ai để tâm đọc đến, sẽ nhân đấy mà lập lấy một lối suy nghĩ riêng của mình, thoát ra ngoài cái lối suy nghĩ nô lệ khuôn mẫu của nghìn xưa.

Được thế, tưởng mục đích của tác giả cũng gọi là đạt được đôi phần.

Saigon, ngày 20 Janvier 1935

Bác sĩ DƯƠNG TẤN TUỔI

ĐẾ TỬ

*Muốn tính cho ra một chữ “thì”
Rắp toan mở lối dẫn đường đi,
Con thuyền ngược nước tay chèo cứng,
Bể rộng trời khuya có quản gì.
Khuôn mẫu nghìn xưa đã dở dang,
Nín đi cũng tội, nói ra càng...
Đông, Tây đúc lại lò tư tưởng,
Ai bảo đời này có Lão, Trang.*

*Gà vừa gáy sáng trống tan canh,
Tỉnh dậy ngồi nhìn một bức tranh,
Vân cầu ai tô màu mực nhạt,
Nỗi niềm ta muốn hỏi non xanh!*

Nhượng Mai LÊ TRỌNG DU

Đi như ngày tháng xin thông thả.

Bùi Kỳ

Ví thử không có tiếng trống cầm canh, không có “giọt rông xuân điểm ngày thâu chìm chìm”, không có cuốn lịch bóc từng ngày, không có mặt đồng hồ cho kim chạy quanh, dễ thường người ta khó nhận ra thời gian là thế nào.

Một nhà hiền triết bảo rằng thời gian phải hình dung bằng tình cảm và những việc xảy ra, thì mới nhận thấy.

Tình cảm và việc xảy ra đối với mỗi người một khác, tất quan niệm về thời gian cũng ở mỗi người một khác đi. Lúc ta yêu sẽ không giống lúc ta thương; lúc uống thuốc đắng chẳng như lúc ăn kẹo ngọt. Đời có lúc một phút bằng ba thu như lúc ta mong bạn; lại có lúc ba thu chỉ bằng một phút như lúc ta thua bạc. Ấy là không kể trong xã hội này, có kẻ sống bây giờ mà tưởng như sống trong đời cổ, nhất nhất đều theo cho đúng lễ cũ thời xưa. Lại có kẻ sống ở nước Nam buổi giao thời mà tưởng như sống trong một nước ôn đới đã hoàn toàn hóa theo văn minh cơ khí...

Ai chế ra đồng hồ đã có công hình dung được thời gian, nhưng trái lại đã chuốc cho người đời biết bao nhiêu phiền phức!

Hai chiếc kim sắc nhọn, như cắt nhỏ

cuộc đời ra từng mảnh vụn. Mỗi tiếng tích tắc lại như tiếng nhấm, tiếng gặm, thủng thủng và lạnh lẽo, tựa hồ điềm nhiên mà nhắc cho ta rằng đây là một giây một phút của đời ta đã mất đi rồi.

Tiếc cái thời giờ như nước chảy dưới cầu, nhà thi sĩ mới đuổi theo mà van vãn:

Đi như ngày tháng xin thông thả

Ở với non sông trót nợ nần

Nợ non sông ngày thêm chồng chất, cái ngày giờ sót lại, liệu có đủ cho ta trang trải lấy đôi phần? Ôi, tấm lòng ưu mẫn, thời gian kia đã thắt buộc làm cho thắt mắc nhường bao!

Oscar Wilde nói: “Cái thảm kịch của người ta lúc về già là đã già rồi mà thấy mình còn trẻ”. Còn gì đau đớn hơn là thấy thể phách tâm hồn còn trẻ, còn làm

được nhiều điều hữu dụng, chỉ vì số năm tháng trải qua bắt phải thuộc vào tuổi già. “Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ”, Yên Đỗ giạt mình...

Cái hạn ngày tháng, ngay đối với người phóng khoáng, cũng khiến cho họ phải cùng với Nguyễn Công Trứ:

Nhấn con tạo hóa xoay thời lại

Để khách tang bồng rộng đất chơi.

Ngày xưa mấy ông chúa Tàu bảo rằng chán mùi phú quý, vào rừng kiếm thuốc tràng sinh, phải chăng lại chính là tham phú quý và muốn kéo dài cái phú quý ấy không cho nó thấm thoát như côi phù du chỉ ba vạn sáu? Ngày nay có những kẻ giàu sang, nửa đường thấy da mỗi tóc đã hoa râm, cố tìm đến bàn tiếp hạch của bác sĩ Voronoff, có lẽ cũng cùng một

lòng tham muốn như người xưa!

Lòng tham muốn này, sự vật nài kia,
vì đâu mà có?

Há chẳng phải vì người ta đã lấy cái hạn ngắn ra so với hạn dài, lấy hạn dài những hòng so với cái vô hạn, đem tắc gang đánh cuộc với cao đầy!

Ví thử bỏ đồng hồ đi, thế giới hẳn là đổi thay nhiều lắm. Mặt địa cầu bấy giờ sẽ như vẻ mặt người mọi xứ Maryland. Mỗi khi hỏi đến tuổi thì chỉ nhe răng cười, không trả lời: người mọi xứ Maryland không biết tuổi, không có tuổi...

Vì chia ra ngày tháng, thầy Trang Chu mới tính nhầm ra rằng trong một tháng thầy cười được có năm sáu ngày, còn dư lại đều là những ngày đau khổ. Cho nên thầy tiêu dao non xanh nước

biếc để mong thoát khỏi cuộc đời, cái cuộc đời mà “ngày vui ngắn chẳng tày gang”!

Đời chia ra năm tháng, lại chia ra hai độ già trẻ, gây ra trong xã hội hai phái già với trẻ mà quyền lợi cùng tư tưởng trái ngược hẳn nhau.

– Phái già tự cho là trải đời, khôn hơn bọn trẻ. Bọn trẻ lại nghĩ rằng mình có nhiều quả quyết và hăng hái, làm nên việc hơn các ông già. Những người ở trong tuổi “trẻ đã qua già chưa đến” thì ưa cái lối nói lưỡng: có người niên thiếu mà già khom, có kẻ lão thành mà trẻ măng...

Ta thử đem đời người ví với đời của thế giới.

Đời thế giới là gồm hết những đời

người đã sống từ khi có thể giới đến giờ. Đời thế giới có thể nói là cũng như đời người, có lúc trai tráng, lúc đứng bóng, lúc già nua. Nếu lại kể một người như cả nhân loại, thì lúc thế giới trẻ, ắt là nhân loại trẻ, lúc thế giới đứng tuổi, nhân loại chín chắn, lúc thế giới già, nhân loại cũng bóng xế ngàn dâu.

Xét thế thì ông cha ta khi xưa ở vào thời đại trẻ, ta đây mới thật là già. Musset thế kỷ trước đã than rằng: “Chúng ta đến quá chậm trong một thế giới đã quá già nua!”

Tuy nhiên, ta nên nhận rằng đến cái tuổi mà dù không ốm, không đau, tự nhiên thấy sức lực kém đi, ấy là bước vào cõi già.

Bước vào cõi già, ta nhìn non sông cảnh vật không tỉnh như trước nữa,

nhưng cái cảm giác thấy rõ ràng chan chứa hơn trước, bởi nó đã lọc qua một lần kinh nghiệm. Kinh nghiệm, cho nên trông cuộc đời biến đổi mở mang, ông già có thái độ trầm ngâm hơn lúc trẻ.

Có ông già thấy điều gì mới cũng cho là không hay, chỉ khư khư bó mình trong tư tưởng cũ. Thì dù là người rất thông minh rất uyên bác mặc lòng, nhưng không chịu nhận rằng sự thay đổi là luật chung vũ trụ, tức là không tiến được nữa và không còn sinh sống nữa.

Có ông già hiểu rằng cần phải đổi thay, nhưng hiểu mà vẫn ngấm ngấm thương tiếc buổi xưa lại ghét ghen đời mới, vì lẽ đời mới có những hoan lạc riêng của tuổi trẻ là tuổi các ông không còn mong trở lại.

Có ông già theo hản vào luồng sóng

trẻ, tuy không hăng hái như thiếu niên, song theo mà biết sửa biết chữa, biết làm một bậc tiền bối dễ thương.

Những ông này là người hiểu sâu lẽ tiến hóa. Tuy không nói cùng một giọng, không viết cùng một lối, không suy nghĩ theo cùng một phương pháp, nhưng cũng nhắm ý mình mà đi tới, chớ không chịu lui. Các ông ấy chính là cái dây nối liền hiện tại với quá khứ.

*

Nhưng bọn trẻ có mấy khi nhận cho như thế!

Bọn trẻ khi bước chân vào đời, phải gia sức ganh đua, mà nào có bao lần được thắng: cái thất bại thường là cái phần thưởng cay đắng của sự ganh đua.

Trong khi bức thân giận đời, nhìn lên phía các ông già, thấy ông thì đứng trên mồm năm tháng ra chiều hợm hĩnh, ông thì lên điệu bi ai như những vai già trong bi kịch, ông thì lại ngạo nghễ trong thú giàu sang, — bọn trẻ thấy thế có thể nghĩ rằng người ta đứng trước sự thông minh và từng trải, không phải như đứng trước pháp luật, mà ai cũng như ai: họ cho rằng cái khôn không tất nhiên phải mọc ra cùng với làn tóc trắng. Họ lại không tưởng gì đến cái sức ganh đua mà các ông già đã từng trở, cái số thất bại các ông đã trải qua, họ chỉ thấy riêng có mình:

Xin việc hôm qua bảy tám nhà

Đường khuya cơn đói vẫn chưa tha¹

Họ cho ông già là tiêu biểu của sự

¹ Rút trong cuốn “Trời xanh thăm” của Nguyễn Giang.

bất công ở đời, họ ghen ghét, họ thù hằn,
họ hục hặc...

Họ không đến nỗi như dân mọi kia,
bắt người già trèo lên cây rồi rung cây
cho rơi xuống chết đi, để đem làm thịt.
Họ không nhẫn tâm quá như thế, song
mỗi khi có ông già qua đời, họ đưa đám,
thật tình không lấy làm thương, mỗi khi
thết tiệc tiễn một viên chức về hưu, họ
uống rượu, thật tình không lấy làm buồn.
Cuộc ganh đua càng khó khăn, bọn trẻ
càng thêm tức tối.

Lòng tức tối ấy diễn ra bằng những
lời phàn nàn không khỏi có hơi gay gắt:

Dăm chiếc xe hơi hè phố đợi

Mấy thằng râu bạc ở trong ra

Nghĩ mình trai trẻ giường không vợ

Luống hỏi bao năm hết tụi già²

Song le, nào ai trẻ mãi được đâu!

Đến lúc già, thấy đàn trẻ sau cũng
lại khinh bỉ thù oán mình như rứa, bấy
giờ mới hay lẽ tuần hoàn trong vũ trụ và
hiểu rằng mỗi tuổi phạm vào một điều
bất công.

Nên già ư? Nên trẻ ư? Thời gian nào
có cho ta được quyền chọn lựa!

Tính sao cho phải đường?

Sao cho được như cây kia, khi còn
non thì chắc chắn, khỏe mạnh, mà tiến
lên cõi già. đến khi già cỗi, mỗi xuân lại
nảy ra nhiều lá lộc xanh tươi...

★

² Rút trong cuốn – Trời xanh thăm của Nguyễn Giang

Thời gian ở trong vũ trụ cứ lặng lẽ trôi đi, cuộc vận hành của vũ trụ cũng cứ im lìm mà xoay chuyển.

Nay đem cuộc nhân sinh đã ngắn, chia ra năm tháng ngày giờ, người ta thấy có nhiều dịp đứng lại ngắm trông, không ngờ rằng mỗi lúc dừng lại, lại làm tăng cái sức mau quên, khiến cho làm giờ trước quên giờ sau, việc định hôm nay đến mai không nhớ nữa...

Bước đường đáng lẽ cứ thẳng thắn mà đi, nhiều khi chỉ vì năm tháng ngày giờ bắt ta dừng lại, rồi thành đi chệch ra phía khác, không chừng.

Năm tháng ngày giờ làm cho ta dễ quên cái lẽ duy nhất của cuộc đời, mà cuộc đời không duy nhất, tưởng không

còn có nghĩa gì nữa.

Tuy nhiên, duy nhất không phải là nhất chí. Duy nhất là như một bản đàn hay, có tiếng bổng tiếng trầm, điều hòa với nhau thành điệu. Còn nhất tức như một tiếng ngân dài mãi ra, không đổi thay, không lên xuống.

Nhất chí, thì có gì nhất chí được đâu! Máu chảy không phải liên một mạch, mà là theo từng tiếng đập của trái tim. Không khí hút vào phổi cũng theo từng hơi thở một. Điện truyền đi từng nhịp rất nhỏ và rất nhanh. Tiếng vang, ánh sáng cũng lan ra có luồng. Bão đập vào cửa kính, theo sức mạnh của từng ngọn gió.

Đời người cũng thế, không cùng mãi, không thông mãi. Nhưng, lúc tối nhất trong ban đêm là lúc mặt trời sắp

mọc, lúc bĩ nhất trong đời người là lúc sắp bước sang cỗi thái. Ta há nên vì một lúc bĩ mà quên cả cái nghĩa lớn của đời người, há nên vì một ngày chán nản mà quên cả công việc trăm năm!

Chỉ nên nhận rằng điều gì có rồi khắp cuộc trăm năm, mới là điều đáng kể. Còn những việc làm trong ít lâu, những cuộc sum vầy trong chốc lát, những vinh dự đồn vang một buổi, chẳng khác nào những tình cảm mặn mà, rồi vụt đi như cái bóng.

Vẻ đẹp của ngôi chùa cổ không phải là vẻ đẹp riêng của từng góc mái uốn cong, hay từng khuôn cửa chạm nuột. Mảnh vàng róc đi hay cánh tay gãy mất, không đem theo cả vẻ đẹp của pho tượng tuyệt mỹ.

Cái khó của người ta đứng trước thời gian vô tận là tạo sao cho nên một bản ngã đầy đủ, tải trên năm tháng chạy qua, sống thế nào cho ngày giờ kết thành một chuỗi, chứ không rã rời...

Dem mộng sự đấu với chân thân...

Cao Bá Quát

Không thể nói rằng thú mơ màng chỉ riêng người ta biết hưởng, cũng như chỉ có giống người là mới biết cười. Con mèo nằm ấp trong đồng tro, con bò quỳ gối ngoài đồng cỏ, ai dám chắc đã không mơ màng!

Mà biết đâu những loài vật ấy lại chẳng biết mơ màng hơn cả chúng ta, vì chúng ta sống trong cuộc vật lộn quay cuồng, còn được mấy lúc thanh thoi mà mơ màng được nữa.

Mỗi người chúng ta lúc nào cũng phải nghĩ phải lo, hoặc tính từng mớ con số, hoặc nuốt từng hòm lý thuyết, hoặc canh tử bạc, hoặc làm thân máy để trông nom cho máy, hoặc luôn luôn nhếch mép một nụ cười chiếu lệ với khách hàng... Cho đến lúc đi chơi, cũng chưa được ung dung: phải để ý từng phút để tránh xe cộ, chịu đình tai vì tiếng còi, chịu rậm mắt vì bụi bặm. Ấy là chưa kể những lúc lễ phép của xã hội bắt ta phải chào người quen, phải trả lời những người vì muốn lễ phép với ta mà tưởng như cần phải giữ ta đứng lại, hỏi chuyện vợ vắn một vài câu.

Còn lúc nào để mơ màng?

Mơ màng là trầm ngâm, thả tâm hồn cho bay bổng từng cao: người ta mơ màng như thế ở bờ sông Hằng và dưới chân non Hỉ Mã.

Mơ màng là trút hết lụy của cõi này mà bước sang cõi khác, yên ổn hơn, sung sướng hơn: khách đa tình cũng như thi nhân, đều mơ màng thế cả.

Dù mơ màng theo lối nào mặc lòng, điều cần nhất là trong lúc mơ màng chỉ có mình với bóng, xong là thôi, không dính dáng đến ai, không làm hại ai.

Vì nếu lại mơ màng để tính những sự định đem thi hành trong lúc tỉnh, giấc mơ ấy có khi nguy hiểm vô cùng.

Ta ước sao được như người Thi Tồn, có quả bầu to. Cứ tối chui vào trong bầu mà ngủ, sẽ mơ thấy những phong cảnh thần tiên. Sáng ngày, trở ra, ta lại vẫn là ta, sống trong hiện tại, xô đẩy với cái thực tại...

*

Mỗi ngày chạy qua, những điều mơ ước trong buổi thanh niên lại tan tác ra từng mảnh. Mỗi buổi chiều tàn, ta lại thấy biết bao điều hy vọng phải chôn sâu.

Ai cũng qua một lần tuổi trẻ, cái tuổi mà mỗi khi gặp đôi mắt hữu tình nhìn ta đầy vẻ yêu đương, trong lòng ta thấy sáng tung bùng như lúc trời đông mới rạng. Trong vùng ánh sáng ấy, ta băng khuâng, vẩn vơ, ta ước ao những sự thần tiên. Rồi vầng thái dương càng lên cao, ta càng nhìn thấy rõ cái vẻ trơ trẽn và buồn tẻ của sự thật. Đến buổi tà huy ử rũ, ấy là lúc ta phải đào hố mà tự mình lấp lấp những sự trước mơ màng.

Ví có thể yêu người yêu như yêu một ngôi sao, càng ở xa lại càng thêm lấp lánh, tình yêu mới mong dài một chuỗi

yêu khao khát mặn nồng.

Hay có thể yêu như yêu chị Hằng ở tận cung mây, lòng yêu có xa xôi mới thêm bền chặt.

Chị Hằng khi lơ lửng khoảng trời xanh, nhà thi sĩ so nên dây tuyệt diệu. Nhưng hễ thấy ánh trăng trên mặt nước, gần gũi như có thể ôm lấy vào lòng, thì thi sĩ vội nhảy ở mạn thuyền xuống nước, bóng trăng vỡ ra muôn mảnh, mà thi nhân rồi đắm đuối, cũng gieo cả tính mạng đi theo...

Ta thường không ưa những tình yêu xa như trăng sao, chỉ những muốn co nó lại gần, nên mới gặp phải nhiều điều thất vọng.

Nếu biết chống lại với lòng chán nản, thì ngoài ái tình là giấc mơ của tuổi

trẻ, còn tìm được lý tưởng khác để đặt cuộc đời lên trên. Bậc giai nhân thì ít khi như thế: phần nhiều chỉ muốn quy hết cuộc đời vào một chữ tình, đem chữ tình làm nền tảng cho mọi việc, muốn cho cả cuộc đời chỉ là một khối tình. Cho nên nay hờn mai giận, tình trường tình đoản biết thương ai!

*

Nhìn thẳng vào sự thật, giảm bớt sức tưởng tượng, đó là cách tránh trước được nhiều điều thất vọng. Song, bộ mặt vô duyên của cuộc đời sẽ làm cho đường sinh hoạt hết cả vẻ nên thơ.

Trời đất trong lúc sáng lòa, mỹ nhân ngắm buổi giữa trưa, ta dù nhắm mắt lại ngay, cũng không thoát qua cái cảm giác tẻ, buồn.

Cái đẹp của thế giới ở vào hai lúc sáng và chiều. Hai lúc sáng tối mập mờ, là lúc ẩn hiện những vẻ linh lung mơ mộng.

Những nét khuynh thành, phải nhìn bằng đôi mắt lim dim, có khi chỉ nên ngó bằng một đuôi con mắt.

Cuộc đời trong đuôi con mắt, là cuộc đời thần tiên: thần tiên đẹp vô cùng, vì không ai trông thấy rõ, chỉ thấy ở trong mơ ước.

Trông thấy rõ, tẻ thay là ánh sáng của trí xét suy!

Điều gì xét suy ra, lại lấy trí xét suy đánh đổ được. Còn những điều không xét suy mà tự trong cùng thẩm tâm linh đã cho là phải, thì dù trí xét suy có vạch rõ ra nó là trái ngược, là vô lý, người ta cũng vẫn cứ theo hoài.

Trải bao thế kỷ, điều xét suy có thay đổi, tín ngưỡng thì vẫn còn. Người ta vẫn tin như ngàn năm về trước, và có lẽ còn tin mãi mãi về sau này, những điềm hay điềm dở, những lẽ báo ứng, luân hồi...

Những sách về khoa học chỉ trong ít lâu là không dùng được nữa: sự vật ngày một đổi thay, trí xét suy cũng một ngày một tiến. Mấy dòng chữ của mấy ông giáo to, dù qua bao lần dâu bể, vẫn còn là cột đá chống vững ở giữa dòng.

Vì sức mạnh của tín ngưỡng không phải tự xét suy cho rành rọt mà ra. Thiên đường địa ngục chỉ ngờ rằng có, ảnh hưởng mới hay. Nếu lại biết thiên đường địa ngục chắc ở phía nào, có thể đi những lối nào mà đến xem được tận nơi, thiên đường địa ngục sẽ mất cả sự linh thiêng, còn khiến sao cho người ta tin mà sửa mình.

Ở đời xét suy cho lắm, có lẽ vô ích, có khi lại sinh nguy hiểm: xét suy rõ quá, thấy rõ cái chân giá của mọi việc làm, lại tính trước được cả những việc có thể xảy ra, thành ra rã rời hy vọng.

Người lữ khách biết rằng đầu đường bên kia có phục sẵn bao nhiêu điều thất vọng, nhưng vẫn cố ôm lấy thật nhiều tưởng tượng, để mơ màng, mơ màng mà hy vọng, có hy vọng mới dẫn bước trên đường.

Sức tưởng tượng tô cho cuộc đời một vẻ tuy ngây thơ nhưng rất nên thơ.

Cho nên lẫn lộn trong cuộc ganh đua, người ta vẫn yêu nhà thi nhân đã quá ngây thơ mà nhiều tưởng tượng...

*

Có kẻ ngồi thở dài:

– Ngày hôm nay thật là vô vị!

Người đời thường thế, không vui sướng thì than phiền rằng khổ, mà hễ không gặp phải điều gì khó chịu, cũng lại thấy như khó chịu, phải than phiền.

Thì cái ngày hôm nay quả đã vô vị đến thế chưa?

Những người trong một buổi tan gan nát ruột vì lo nghĩ, vì đau đớn, dễ thường lại ứng được sống một ngày vô vị như hôm nay. Có khi lại coi hôm nay là một ngày vui sướng nữa: cái sướng ở trong cái khổ.

Ta ra đường, gặp một người tàn tật, có lẽ ta mừng rằng tật kia trời đã xá cho mình. Nếu ta lại nghĩ: ví người tàn tật kia có thể hóa trở lại được như người

thường, ta ắt cho rằng người ấy sẽ lấy làm hởi dạ vô cùng.

Giả sử được trở lại như người thường, tàn tật có lẽ còn chưa coi thế là mãn nguyện, còn muốn mình xinh mình đẹp nữa kia!

Cũng như ta sống một ngày tâm thường chưa lấy làm phỉ chí. Ngày nào ta cũng muốn có cái phi thường.

*

Ta không suy rằng cái phi thường chỉ có thể mơ ước trong tưởng tượng mà thôi, không bao giờ có được. Vì điều ta cho là phi thường, khi ở tay người khác, chưa đến tay ta, mới là phi thường. Đến khi lọt tới tay ta rồi, lúc nào cũng nhìn ngắm được chẳng phải e dè, lúc nào cũng

thường thức được chẳng cần ao ước, bấy giờ ta mới nhận thấy những khuyết điểm mà trước ta chưa trông ra, ta sẽ lại coi ngay là thường.

Cái phi thường giống như bậc vĩ nhân, ta chỉ nên ngó ở xa xa. Cái phi thường giống như người vợ đẹp: vợ đẹp bao giờ cũng vẫn là vợ những người ngoài phố.

*

Thúy Kiều thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần, còn ngỏ với chàng Kim:

Chữ trinh còn một chút này

Thiết tưởng chàng Kim mà thật là tri kỷ của giai nhân, có lẽ không hiểu một cách nông nổi tầm thường: “Như nàng lấy hiếu làm trinh”.

Vì nếu «chút trinh kia chỉ ở trong chữ hiếu, thì đạo làm con đã tỏ rõ mà ân oán cũng rạch ròi, có sao còn áy náy:

Chẳng cầm cho vững, lại giày cho tan?

Phải chăng chữ trinh của nàng Kiều là ở trong mộng ái tình, cái chiêm bao lần quất theo nàng từ ngày thăm mả Đạm Tiên cho đến khi tái hợp... Từ trước đến sau, hình như nàng chỉ yêu một người tình mà Kim Trọng là hiện thân, một người tình mà nàng mới “trộm liếc dung quang”, một người tình mà nàng những muốn yêu trong giấc mộng: khi xa cách thì mong gần gũi, khi gần gũi lại muốn cách xa..., muốn cách xa để giữ cho mộng mình toàn vẹn, muốn cách xa để khỏi giày cho tan cái chút trinh vẫn còn cầm vững với người yêu trong lý tưởng...

Với người yêu trong lý tưởng, tâm

hồn nàng đã gọi từ xưa, còn thể phách
vẫn tha hồ trải qua gió bụi:

Mặc người mưa Sở mây Tần

Những mình nào biết có xuân là gì!

Trong mười lăm năm luân lạc, không
phải rằng nàng không yêu ai. Nàng đã
yêu Thúc Sinh:

Sớm đào tối mạn lân la

Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng

Nàng đã yêu Từ Hải:

Cùng nhau trông mặt cả cười

Dang tay về chốn trướng mai tự tình!

Nếu về sau nàng lại yêu Kim Trọng
cũng như thế, ái tình hắn là sẽ từ tình

thần lạc ra vật chất, còn đâu giấc mộng
những ngày xưa!

Những người “đập cổ kính ra tìm lấy
bóng”, ví thử biết rằng có thể thấy ngay
được bóng, có lẽ lại hết muốn tìm... Họ
cũng như nàng Kiều, muốn khư khư giữ
lấy cái phi thường. Cái phi thường là cái
rất thường, mà chẳng thấy, hay chẳng
muốn nhận ra...

✱

Lữ khách, những buổi tà dương lênh
đênh nơi hải ngoại, có khi thấy ngán thú
phiêu lưu, mà coi cảnh vợ con sum họp
là cái vui độc nhất ở đời. Trước ngọn gió
chiều, đắm đắm đôi mắt lục phương trời,
tự thấy lòng sầu man mác, như bồi hồi
tiếc nơi đất tổ mình đã quyết bỏ mà đi.

Nguyễn Công Trứ than rằng:

*Cũng rắp điền viên vui tuế nguyệt,
trót đem thân thế hẹn tang bồng.*

Cho hay chí tiến thủ dù mạnh, lòng bảo thủ vẫn ngăn. Những điều hoài bão lớn lao, tuy đã nuôi bằng óc cường, bằng gan kiên nhẫn, mà giấc mộng hương quan, sợi dây tình ái, vẫn còn vương vít lấy tâm hồn.

*

Đời người chỉ quanh quẩn thế thôi: không bao giờ vượt qua được cái phạm vi của mình, lúc nào cũng phải theo vào kích thích của mọi người. Có gì là to tát đâu? Chẳng qua một ít ganh đua với một ít đau khổ để biết mùi một ít sung sướng, như thế thì yên. Nếu lại muốn bay xa ngó rộng ra ngoài cái tầm thường ấy, chính

cái tầm thường sẽ tìm hết cách đánh đổ, khiến cho rút lại, vẫn phải quay về tầm thường.

Muốn trốn thoát đi đâu, rồi sau hết cũng chỉ là mình lại gặp mình, đối diện với mình, với cái huyền mộng nuôi trong thâm tâm mà thôi.

Đời bão táp nơi đại dương, kẻ sống bằng phẳng trên mặt đất vẫn ham mê. Nhưng ra đến đại dương, lại muốn quay về mặt đất.

Ra đại dương mà mơ về mặt đất, còn hơn chỉ ngồi trên mặt đất mà mơ đến đại dương. Phải sống trong vòng nguy hiểm, mới biết giá cái thú yên vui. Có qua mười lăm năm cách trở sơn khê, tình đôi lứa mới nên câu giai thoại...

Ngập ngừng then lục e hồng.

Truyện KIỀU

Lục với hồng của cỏ cây thì phô ra rực rỡ, có sao lục với hồng của cô thiếu nữ lại phải những e cùng then, ngập ngừng?

Trời sinh cây có hoa đài lục cánh hồng, cây hớn hở mà khoe khoang, trời sinh mỹ nhân cũng "rậm lục thưa hồng", có sao mà giấu biệt?

*Lầu hồng đem khóa then sương
Thâm khuê đem giấm mùi hương
khuynh thành!*

Lục với hồng, dù ở cây hay ở người, cũng cùng làm một phận sự rất quan hệ, rất đáng tôn kính, là sinh dục để bảo tồn lấy nòi giống. Thế thì cây sao không đem phong kín lại như người?

Anatole France luận rằng bộ phận sinh dục của loài cây là đóa hoa vừa hương lại vừa sắc, đáng được phô phang. Còn bộ phận của người, ngoài lúc làm việc sinh dục là việc thiêng liêng, lại cũng phải làm một việc tuy rất cần nhưng hết vẻ thiêng liêng, là đem xuất cảng những chất thừa của thân thể. Bởi thế nên phải giấu đi cho khuất mắt.

Nếu lấy tri giác của loài người mà xét, thì ta cũng nhận với nhà văn hào ấy rằng cây không biết thẹn như người, mà cây cũng chẳng cơ có gì phải thẹn.

Nhưng con giun có tri giác của con giun, thì loài cây ai dám chắc đã không tri giác?

Biết đâu loài cây lại không e thẹn, e thẹn lối nhà cây?

Thử ngắm xem. Đóa hoa trước khi để cho ong bướm đái đàng, còn phong kín mãi, rồi mới hàm tiếu, rồi mới tỏa dần từng cánh một. Đến khi mở nhị phơi ra trước gió, cuộc ái tình của cây cũng vừa xong: hoa liền rã cánh rồi kết khối tình thành quả.

Thế thì đến được lúc mở tới nhị vàng, hoa kia ai dám bảo là chẳng cũng ngập ngừng như cô thiếu nữ, trước còn đỏ ửng đôi má đào, rồi mồm mĩm, rồi chúm chím, lồm một đồng tiền, rồi mới chập chùng, bóng dương lồng bóng đồ mi.

*

Cây cũng biết thẹn như người, điều đó đúng hay không, ta không thể biết đích xác. Nói ngay đến loài người vì sao lại thẹn, có lẽ ta cũng hãy còn đoán mập mờ.

Thẹn, vì “thừa hồng rậm lục” là một cảnh đẹp, muốn giấu diếm đi cho ít người có hân hạnh được xem, để càng nổi giá?

Thẹn, vì “thừa hồng rậm lục” là một cảnh xấu, sợ bày ra thêm xấu lây đến cả người?

Thẹn, vì của riêng mình, mình muốn giữ lấy, không cho ai dòm dò tới?

Thẹn, vì việc sinh dục dẫu trong lý thuyết là một điều đáng kính, nhưng đến

khi đem ra thực hành, thì lại giống như một trò đùa, có hàm một thứ khoái lạc tục tằn ở bên trong?

Thẹn nữa, vì tính thiên nhiên vốn là một sức mạnh vô cùng, nên không dám khêu gợi, cũng không dám đả động đến, e lúc nó xổng ra thì nguy hiểm không biết đâu mà phòng trước?

Bấy nhiêu lý do mà Anatole France đã tìm ra cho tính thẹn, liệu có xác đáng cả không?

Nhiều người ở hữu ngạn sông Rhin đã họp nhau từng đoàn, trút xiêm cởi áo sổ sàng. Thử xem có phải không thẹn nữa thì tính thiên nhiên sẽ xổ ra thật chẳng? Thì người ta nghiệm ra trái hẳn. Khi còn phong kín, tính tò mò dễ thúc giục cho bốc lửa lòng. Đến khi đã mở để ngó coi được hết, cái vẻ lỏa lồ tro trên lại khiến

cho lòng dục tắt ngay đi rồi dần dần lạnh giá.

Bên nước Nhật cũng thế: nhà tắm là nơi trai gái tắm chung ít khi đóng cửa; thì vẻ thiên nhiên người ta có dịp trông thấy luôn luôn mà không ai buồn để ý đến bao giờ.

Theo triết nhân Spencer, tính thẹn lại do tục mặc quần áo mà ra. Quần áo, lúc đầu loài người dùng để trang điểm cho đẹp mẽ. Người ta quen nhìn cái thân thể có trang điểm rồi, nay nếu thấy không có quần áo thì sinh ra thẹn, vì cho thế là không đẹp mắt.

Lại có nhà triết nhân khác cho thẹn là vì trông thấy người khác lỏa lồ, người ta nghĩ ngay đến vẻ lỏa lồ riêng của mình, rồi tự thấy xấu xa hay trơ trẽn mà hai má đỏ bừng...

Có người cho thẹn chỉ là một huyền tưởng nó sẽ tiêu tán đi nếu người ta lâm vào cảnh nghèo nàn hay tật bệnh. Quả thật, lúc quá nghèo khổ hay quá ốm đau, nhiều người không còn biết thẹn là gì nữa: dầu có bọc lộ cũng đành cam chịu, và có khi không để ý tới.

Nhưng bệnh với khổ chẳng qua là những sự bất kỳ: đứng trước cảnh ấy, không cứ là tính thẹn, nhiều tính khác cũng có thể mất đi.

Theo ý phần nhiều thì thẹn có chăng là nét giữ gìn cho thân thể một điều bí mật, để tô điểm và kêu gọi ái tình, thứ tình cảm mà người đời cần phải có.

Thịt gà cá song, đem luộc sôi bùng lên, trông không đẹp mắt. Rắc ít lá chanh

hay điểm chút hành hoa ớt đỏ, tức khắc thấy nảy duyên thâm.

Bóng gương có thấp thoáng trong mảnh, cỏ cây mới muốn nổi tình mây mưa. Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.

Cho nên những bà không biết then, dù có nhan sắc lộng lẫy mỹ miều, cũng không khêu nổi được mối tình đầm thắm nó chỉ ở dưới quyền phép của nụ cười e lệ.

Balzac nói: “Nếu lương tâm có năng lực dìu dắt tư tưởng và tình cảm của ta lên chỗ sáng sủa trong sạch, tính then cũng làm cho ta mỗi cử mỗi động được thêm phần tao nhã văn hoa.”

Những việc làm trái lương tâm khêu cho ta mỗi ghét, càng trái bao nhiêu lại

càng ghét cay ghét đắng. Thế thì những cử động ra ngoài tính then, những cử động không do tính then giữ gìn, biết đâu chẳng làm cho chướng tai gai mắt, rồi lâu dần khiến được người giảm hẳn tấm lòng yêu!

Cái then của giai nhân dễ xui cho đàn ông vì không trông rõ được đến thực trạng, phải tưởng tượng ra những vẻ mê hồn mà chưa ắt giai nhân đã có, rồi ái tình sẽ chỉ dựa vào một mớ tưởng tượng băng quơ, mới thành ra chan chứa nồng nàn.

Bậc giai nhân đã đến lúc rõ ràng “trong ngọc trắng ngà” thì có thể cầm chắc rằng tình yêu của chồng – hay gọi là của người tình cho rộng hơn có thể cầm chắc rằng “tấm lòng rẻ rúng đã dành một bên.”

Ninon de Lenclos, một gái có nhiều từng trải về ái tình, có nói: “Đàn bà chỉ có cho đây bàn tay quân tử là không cần gì nữa.”

Thiết tưởng cũng còn cần phải biết đem giấu đi nữa mới xong.

Nhiều bà giá trót hớ hênh ở ngoài phố, để lộ một chút con con, đã coi như gây nên tai vạ. Thế mà đối với người tình thì lại xấu tốt sẵn lòng phô không ngượng.

Không nhớ rằng thầy Mạnh khi xưa chỉ nhìn thấy vợ ở trong buồng chưa mặc áo, đã ùng ùng nổi giận, chạy đi mách bà từ mẫu. Đành rằng khi xưa thầy Mạnh chỉ sốt lòng vì lễ, mà các bà bây giờ chẳng cần gì lễ. Nhưng thật ra, các bà cũng quá tin ở lòng thủy chung của chồng, không chịu nghĩ rằng chồng, khi

thấy ở nhà không còn điều gì bí mật có thể gây ra tưởng tượng nữa, sẽ phải đi tìm tưởng tượng ở ngoài.

Nhiều bà lại cũng quên rằng không biết thẹn với chồng, chồng có khi lại lấy thế làm khổ tâm, vì chỉ e các bà rồi lỡ ra lại không biết thẹn với cả người không phải chồng...

Nào ai phàn nàn rằng chồng hay chơi bời, dạn dít với những người nhan sắc không bằng mình, quá nữa, với những người tuyệt không nhan sắc? Nên nhận rằng mình tuy đẹp hơn thật đấy, nhưng biết đâu chẳng đã không hay giữ lại chút duyên thầm để nuôi tưởng tượng cho ai!

Phải lấp ló nửa chừng, mới là cách giữ chồng thật diệu. Hạnh phúc gia đình ở quanh quanh trong chữ thẹn, chứ đâu xa.

Đàn ông cũng vậy, chẳng nên quên rằng tai vạ trong gia cảnh, phần nhiều bởi không biết thẹn mà ra. Cái phái đã đeo tên là phái xấu, thì những chỗ xấu, chẳng đẹp gì mà đem trưng bày. Vai u, cẳng khảnh kheo, những chỗ sẹo, chỗ vá, những tiếng ngáy vang trời, những sợi rãi chảy ròng bên mép khi ngủ quên, phải tìm cách thật mầu nhiệm cho người tình đừng vì thế phải khó chịu đến tai mắt.

Vợ có tưởng chồng vẫn đáng yêu đáng quý như ông “hoàng tử hữu tình” mới không buồn nghĩ đến sự gởi tình yêu sang đất ngoài.

Khối tình phải đem vùi giẫm vào trong trường e lệ thì mới mong bền. Biết đâu chẳng vì lẽ ấy mà người xưa khuyên: “Vợ chồng phải kính nhau như khách”!

Chữ trình đáng giá ngàn vàng.

Truyện KIỀU

Những ngàn vàng một đóa hoa phong nhĩ, sao mà đắt gồm đắt ghê!

Cái bản năng của đàn ông, ngay từ thừa ăn lông ở lỗ, hình như chỉ những muốn mình được là người trước nhất làm chủ cái thân đàn bà: đàn bà ngày xưa có lẽ chẳng là vật phải hy sinh trên ngọn lửa dục tình, cũng như con thú thời bấy giờ phải căng xé hiến cho cơn háu đói.

Bản năng là tự trời phú cho, không bỏ được.

Chừng nhà luân lý nghĩ thế, nên khi đặt lễ văn cho xã hội, mới xây nền chế độ gia trưởng lên trên cái thị dục của đàn ông.

Và muốn cho đàn bà chịu nghe theo, các ngài mới định rằng “Đạo tông phụ, lấy chữ trình làm đầu”, lại ca tụng một cách chân thành:

Chữ trình đáng giá ngàn vàng

Nếu quả thế thì đặt cao giá chữ trình, nhà luân lý nào có tư tưởng gì cao xa! Chẳng qua chỉ là để dành cho bọn ích kỷ cái khoái lạc được là người trước nhất và độc nhất, hé mở rồi thưởng thức những đóa hoa hỹ còn phong nhĩ.

Đàn bà thấy chữ trình được khen lao, cũng đem hết lòng tin ngưỡng mà nghe theo, có khi nghe quá đến nỗi nhất quyết cho chữ trình là danh nghĩa của cả một đời người...

Cô gái đập sơi ở bờ Lại Thủy, khi gặp Ngũ Tử Tư đôi lá đến xin cơm, nói với Tử Tư rằng:

– Thiếp ở một mình với mẹ, chưa có chồng. Ông đứng xa ra, thiếp không thể cho cơm ông được.

Đến khi Tử Tư nằn nì khẩn khoản, cô gái trình động lòng thương, đưa cho giỏ cơm. Đợi Tử Tư ăn xong, cô mới thở dài:

– Thiếp năm nay ba mươi tuổi, vẫn một lòng trinh bạch, nay đưa cơm cho trượng phu thế này, là vượt cả lễ nghĩa.

Thế rồi cô đâm đầu xuống sông... để lấy tiếng khen của nhà luân lý.

Nhà luân lý, nếu hồn phảng phất ở bên sông Lại Thủy, chắc phải mỉm cười cho cô gái quá ngây thơ!

*

Chế độ gia trưởng cần nêu cao chữ trinh để buộc người đàn bà giữ tiết. Không những cho đàn ông được thỏa lòng ích kỷ của vị chủ nhân, lại còn để giữ gìn cho nòi giống khỏi thành pha lộn.

Lấy vợ phải lấy người trinh, phòng rồi ra sinh con, có thể chắc được đó là giống nhà.

Trước bàn thờ ông vải, không ai muốn có một người khác dòng khác giống đứng thấp cây hương, nên lúc mua

con vật sinh con – hay cái máy truyền giống mới phải xem xét kỹ càng bằng mảnh vải trắng giải giữa giường một cách thiêng liêng.

Chế độ gia trưởng muốn đề phòng cho nòi giống, nên hắt hủi rất tàn nhẫn những người đàn bà không tôn trọng chữ trinh. Ngày nhị hỷ mà lợn bị cắt tai, tân nhân một là phải “phú” về, hai là ở lại nhà chồng, sẽ bị khinh rẻ như hàng tôi tớ.

Lấy chữ trinh làm đảm bảo cho sự vẹn toàn của nòi giống, người xưa có lẽ nghĩ chẳng sai lầm. Gần đây, trong y học phương Tây, người ta nghiệm nhiều điều có thể chứng rằng ảnh hưởng của cuộc tình duyên thứ nhất rất sâu xa. Một nhà bác học kể rằng có người đàn bà da trắng kết duyên với một người da đen, sinh được hai con thì chồng tạ thế. Hai

đứa con lẽ tất nhiên là lai đen. Người quả phụ sau trở về đất ôn đới lấy một người da trắng, cùng nhau sum vầy giữa một nơi toàn những người da trắng ở. Vậy mà khi sinh con, đứa con lại có nước da màu gỗ mun.

Ảnh hưởng của người yêu thứ nhất không những rất sâu xa trong phương diện sinh lý, lại còn bền chặt cả về phương diện tâm lý nữa. Ai cũng từng thấy rằng hình ảnh của người yêu thứ nhất tựa như cái dấu hiệu đóng vào trái tim: trên đường tình, dù trải bao nhiêu mưa nắng, qua bao nhiêu bước gập ghềnh, lúc nào cũng không quên được người yêu thứ nhất. “Trai thương vợ cũ, gái nhớ chồng xưa”, người ta đã nói ra lời ấy sau biết bao phen kinh nghiệm.

Vì nhiều lẽ phải bảo trọng chữ trinh như thế, nên những người đã lỡ lầm đi

chệch ra ngoài vòng trình tiết, ví bằng có tài khí lỗi lạc, lập được sự nghiệp trong cõi văn chương hay mỹ thuật, cũng chẳng ai khen. Cô đào có giọng hát du dương, có sắc đẹp lộng lẫy, chỉ là bọn “xướng ca vô loại”. Nữ sĩ tuy lẳng lơ nhưng đã làm nên tác phẩm vượt được qua kiếp sống để vào trường bất tử, xã hội vẫn không dung. Đã không tôn trọng chữ trinh thì chỉ có thể là cừu địch đáng鄙 đáng ghét của gia đình.

Trong chế độ gia trưởng, đàn bà duy có một đường sống, là uốn lưng theo mấy chữ tòng, trong tâm hồn và xác thịt lúc nào cũng chỉ vương vít có hai chữ trinh tiết.

*

Nhà luân lý có lẽ chẳng đã vui rập phận đàn bà, để chiều chuộng thị dục

đàn ông. Rằng như hễ có thể thì... các ngài thật đã quên rằng đàn bà cũng như đàn ông, có một bản năng cần phải làm cho thỏa mãn.

Đàn bà xưa nay đâu có nhiều người hy sinh cả một đời cho chữ trinh, song không phải không có người nghe thấy tiếng gọi của thiên nhiên mà cầm lòng chẳng đậu, chút lòng trinh bạch xin chừa!

Những lúc đêm đông sương lạnh, lắm người cả nể rồi tự cho là lỡ làng. Cái lỡ làng là cái dễ xảy ra: chỉ một đầu ngón tay, một đuôi con mắt, một vầng trăng bạc, một cánh thơ trao, cũng đủ cho lỡ làng. Đàn ông biết như thế lắm, nên rất lấy làm sợ: thôi thì hết cách giữ gìn.

Họ nhốt con gái vào trong thâm khuê, tường cao cổng kín, nghiêm cấm không cho con trai bén mảng.

Có người đa nghi lại chế ra thứ khóa đồng để đóng cửa buồng xuân, khiến cho mỗi lúc kiểm soát lại, họ được yên lòng vì đã trông thấy hản hoi tắc gang đồng tỏa nguyên phong!

Ông vua bạo ngược nhà Tần còn kiếm đâu ra một cái gương mới tẹ, cái gương hễ soi vào người đàn bà mà thiên hạ gọi là “bất chính”, thì thấy trái tim động, mặt phồng lên. Soi trong đám cung nữ, thấy ai tim động mặt phồng, Thủy Hoàng tức khắc truyền cho đem chém.

Cái gương này chẳng khác cái gương của Diên thái tử trong thuyết bộ “Một ngàn một đêm”. Thái tử được tiên ban cho một cái gương phép, chỉ soi vào đàn bà là biết chữ trinh còn cầm vững hay không, không còn ai giấu được sự lòng kín hở.

Nhưng mà...

Thần ái tình vẫn là đứa trẻ tinh quái lắm.

Không có vườn nào chim xanh không lọt. Không có cổng nào lá thắm không trôi. Không có gương nào soi cho thấu hết. Không có khóa nào khách đa tình không tìm ra được chìa vừa ổ.

Thần ái tình lại còn tinh quái hơn nữa.

Là khi đã mất màu hồ, vẫn còn có cách đem chiêu tập lại.

Thửa trước, mào gà vỏ lựu từng khiến cho thiếu nữ có thể nằm trong phòng hoa chúc ra vẻ bờ ngõ thẹn thùng. Bây giờ, cô dâu tiến bộ hơn nhiều, không còn thiếu gì cách làm cho chú rể tưởng

tượng được ra cái khoái lạc một vị chủ nhân thứ nhất...

Cái tưởng tượng vẫn là món hàng bán đắt!

Tuy nhiên, không phải tân lang nào cũng phải tưởng tượng, tân nhân nào cũng phải làm cho tưởng tượng.

Ngày nay, dù thiếu nữ tự do lắm thật, nhiều cô cũng còn treo giá chữ trinh. Có điều đối với chữ trinh, các cô không còn như thừa trước.

Thừa trước, thiếu nữ hiểu chữ trinh chỉ trong phương diện luân lý, còn về phương diện sinh lý thì rất mơ hồ. Cô gái “tân thời” nhờ sự phổ thông của khoa học, nhờ những sự phô diễn của đời mới, nay đã biết rõ quyền thế và giới hạn chữ trinh, biết sự đau đớn sẽ trải qua, lại biết

rằng điều lỗi lầm có thể đi những đường nào mà tới.

Biết rõ như thế, nhiều cô không còn lơ làng như xưa. Một đầu ngón tay, một đuôi con mắt, không đủ làm cho lơ làng. Cái ngây thơ đã mất hẳn rồi, những điều mơ mộng hão huyền không còn làm mờ được con mắt thực tế, nhiều cô nghĩ đến buổi trước không khỏi cười thầm: ngẩn ngơ thay người xưa!

Nhưng, biết bệnh không phải tất nhiên là chữa được bệnh. Nhà tâm lý học không đối khác được tâm tính mình. Ông bác sĩ thấu từng nhược điểm của cơ thể, mà chính cơ thể mình thì dù thấy rằng hư vẫn không sao thay lại được.

Thiếu nữ biết rõ chữ trinh mong manh dường nào, cũng chỉ đành như bác sĩ, ngồi nhìn bệnh trạng của mình

mà thôi, không sao tránh được cái chung cục thế nào cũng đến.

Mà thiếu nữ cũng chẳng vội gì đi đến cái chung cục ấy, tuy cô không lạ gì mà còn không biết những cách làm cho tận số chữ trinh; cũng như nhà bác sĩ kia, dầu không lạ gì thứ thuốc có thể đem cái chết đến cho mình, mà vẫn không dang tay dùng thuốc.

Vì sao?

Vì ngồi nhìn bệnh trạng của mình, cũng có thú vị, cái thú vị của kẻ ưa ăn cay đến chảy nước mắt, thích chịu đau đến tím cả mình.

Có nhiều cô gái “mới” giữ chữ trinh, không phải vì ngây thơ, không phải vì chưa lỡ làng. Các cô giữ chữ trinh, vì không muốn ngây thơ, cũng không muốn lỡ làng.

Nhưng cuộc đời ngày nay hơi vật chất nồng nàn, làm cách nào giữ cho xiết được?

Các cô giữ bằng tự do.

Tự do phô sắc đẹp, tự do khêu gợi xuân tình, tự do nhảy với thanh niên, tự do khoác cánh ông già, tự do dang tay vào cuộc hành lạc.

Song các cô lại biết lấy phạm vi chữ trinh làm giới hạn nhất định cho tự do.

Thường thì ta ao ước điều gì, có phải là cốt để thưởng thức điều ấy đâu: ta ao ước để lấy cái sướng trong sự ao ước mà thôi. Người bị thằng thúc, ai cũng ao ước được ra ngoài, trong lúc mong mỏi thì nhiều mộng tưởng, đến khi được thả ra rồi, lại như bang khuâng chẳng biết đi đâu...

Cô gái mới ước được tự do, đến khi nắm lấy tự do trong tay, thường lại không nghĩ đến sự hưởng cái tự do ấy cho đến cùng. Vì thật ra, cô không muốn bỏ chữ trinh là chữ cô đã biết rõ, và cũng vì giá ngàn vàng kia vẫn là cái thành kiến đã mấy ngàn năm, không dễ một lúc bỏ đi.

Cho nên nhân điều mình biết rõ để vững dạ, cô dùng cái dễ dàng mà thủ lòng kiên cố lấy tự do mà rủ với chữ trinh – như leo đu với tình, đua chơi với lửa.

Cuộc chơi càng nhiều nguy hiểm, thắng rồi lòng lại càng bền. Bởi thế tự do chưa ắt đã hại cho chữ trinh như người ta vẫn tưởng, tự do trái lại, còn có thể làm đảm bảo cho chữ trinh...

*

Song le, dù chữ trinh được đảm bảo chắc chắn mặc lòng, nhiều cô gái mới tài thì nên trọng mà tình thật nên thương: lần lửa mãi không tìm ra tri kỷ.

Là vì bọn đàn ông không mấy khi nghĩ nổi được rằng “chữ trinh kia cũng có ba bảy đường”.

Không mấy ai nghĩ nổi được nữa rằng nhiều cô, bề ngoài thì thế, nhưng bên trong, thật có “bụi nào cho đục được mình ấy vay”!

Ông nào bây giờ cũng vẫn muốn “dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”.

Ông nào bây giờ cũng vẫn muốn nghĩ như César: người đã là vợ mình thì không ai có thể ngờ được mới nghe.

Ấy là các ông đã tiến hơn trước nhiều rồi đấy.

Nhiệm theo văn hóa mới, ruộng bỏ thói lễ xưa, các ông muốn phá cái “cũ” gia đình, đập cái cùm lễ nghĩa. Muốn thoát ra ngoài vòng gia trưởng mà đi vào cõi cá nhân, các ông né khỏi quyền phụ huynh mà đòi lấy tự do, không những đòi tự do cho các ông, lại đòi cả cho nữ giới. Các ông ưng cho nữ giới được rèn trí thức và thân thể thành những đóa hoa vừa sắc vừa hương, lại được rộng đường giao thiệp, nói cười nhảy múa.

Nhưng cái chung xưa nay vẫn chẳng giống cái riêng: chung là chẳng của ai, riêng mới là hẳn của mình. Thì đối với cái chung các ông dễ dàng bao nhiêu, với cái riêng, các ông lại càng khe khắt. Nữ giới muốn được giải phóng, hay lắm: càng giải phóng càng rộng quyền tự xử lấy thân, các ông lại càng có dịp tìm hoa đuổi bướm.

Còn đến cái người mà các ông chọn làm bạn trăm năm, các ông sẽ tìm trong đám ngu đần, sắc đẹp xoàng xoàng, tính ưa mộc mạc, tài hay vá áo thối cơm...

Trước vấn đề hôn nhân, các ông vẫn như còn đồng ý với kẻ gian dân trong truyện người Trần Trần.

Trần Trần xưa tâu với vua Tần:

Một người kia lấy hai vợ. Có kẻ đến ghẹo người vợ cả, bị người này mắng nhiếc; lại đến ghẹo người vợ lẽ, vợ lẽ bằng lòng ngay. Đến khi người chồng chết, người ta hỏi kẻ gian dân: bây giờ lấy ai, lấy người vợ cả hay người vợ lẽ? Đáp: Lấy người vợ cả. Lại hỏi: Trước kia người ấy đã mắng cho, sao giờ lại lấy? Đáp: Trước kia là vợ người ta thì tôi muốn cho thuận cùng tôi, nay là vợ tôi, tôi lại muốn được người ấy để mắng những quân xằng bậy!

Bao giờ đàn ông gột được trơn thành kiến về chữ trính, bấy giờ đàn bà mới có thể thung dung bàn đến tự do. Nếu cuộc đời các cô gái mới còn phải chung đụng với đàn ông buổi này, các cô vẫn còn ở trong cảnh khó xử: trính tiết không đi đôi được với tự do, mà dẫu có khổ công dìu được cho hai chữ đi đôi với nhau, cũng chẳng ai tin.

Cho nên trính tiết hay tự do, chỉ chọn được lấy một bề...

Chữ tình là chữ chi chi?

Câu hát cổ

Nói đến ái tình, các nhà đạo đức cho là không đúng đắn: đối với nhà đạo đức, ái tình là một điều khó nói và không nên nói đến. Các ngài cho ái tình là thứ dây oan dặt ta xa lìa thiên lý, kéo ta vào một cuộc đời khổ não, quanh quẩn nhưng tiếc cùng thương. Ái tình đã là một lòng vật dục đáng khinh, thì mỗi khi phải dả động đến, các ngài lấy làm bất đắc dĩ và tưởng như phải tìm những

đường lối quanh co trong luân lý để bước tới một cách rụt rè.

Đành vậy rồi. Nhưng nói ngỏ còn hơn nghĩ thầm: luật cấm rượu chẳng đã gây ra nhiều người nghiện rượu hơn bài ca “Tương tiến tửu” đó sao! Nay thử định một nghĩa cho ái tình: “Ái tình là một lòng muốn mà ta phải làm cho thỏa mãn một cách mỹ quan”.

Ái tình là một lòng muốn: đứng vào phương diện sinh lý, ái tình chẳng qua là một sự cần dùng của nhục thể. Đã là cần dùng, thì phải muốn, và lại phải làm cho thỏa mãn sự muốn ấy, ấy là lẽ tất nhiên.

Nhưng thỏa mãn thế nào cho có vẻ mỹ quan, đây mới là dấu loài người cao hơn mọi vật, là cách làm cho ái tình đượm vẻ nên thơ. Đây mới là điều cốt yếu nâng ái tình cho vượt hẳn ra ngoài

lòng tục tằn của mọi loài.

Bao nhiêu tình cảm rực rỡ, bao nhiêu tưởng tượng lộng lẫy, đều quy vào một mục đích: tôi cho ái tình lấy vẻ mỹ quan.

Vì cái vẻ mỹ quan này, có khi người ta quên hẳn của ái tình cái tính cách thứ nhất: quên hẳn rằng ái tình là một lòng muốn cần phải thỏa mãn. Có khi người ta lại theo đuổi ái tình đến quên cả tính mạng nữa, cũng vì một vẻ mỹ quan. Có lẽ chẳng loài người bao giờ cũng chỉ chết vì cái đẹp mà thôi!

*

Vẻ mỹ quan của ái tình rất có ảnh hưởng đến nền kinh tế của xã hội. Cho nên không phải chỉ là bông lơn mà có người nói rằng có thể chữa được nạn kinh tế bằng ái tình.

Nhà kinh tế định ra một luật rằng người đời có tiêu dùng xa hoa, kỹ nghệ mới chóng khuếch trương, xã hội mới mau tiến bộ. Có thể nói thêm rằng có ái tình mới thích xa hoa, do đó, muốn mau tiến bộ, trước hết phải nhờ ái tình.

Vì sao?

Chính vì cái lẽ đã nói ở trên: ái tình phải thỏa mãn thế nào cho có vẻ mỹ quan.

Người ta không phải như loài vật, hễ thấy cần dùng làm cho thỏa mãn, miễn có sự thỏa mãn làm cứu cánh thì thôi.

Đối với loài người, cái phương tiện, tức là cái cách làm cho thỏa mãn, lại cần lắm, có khi cần hơn cả cứu cánh.

Cho nên trai cũng như gái, phải nghĩ đường tô điểm cho ái tình có vẻ dễ coi.

Nào thơ ca réo rắt, nào lý tưởng cao siêu, đem ra điểm xuyết cho ái tình những nét thần tiên. Nào phấn, nào son, nào hương hoa, trau chuốt cho ái tình vẻ trong ngọc trắng ngà, xông ướp cho ái tình trăm ngàn mùi hương ngậy ngất.

Những vẻ đẹp mà hằng ngày các nhà thợ cạo, thợ may, thợ giày, thợ mũ, phát minh ra hay đổi mới lại, chỉ là để vẽ vời cho ái tình mỗi lúc một thêm thanh tân. Hàng bán tơ lụa là nơi bù đắp cho ái tình nên vẽ “phong gấm rủ là”.

Rạp hát, nhà khiêu vũ, rạp chớp bóng, ru ái tình bằng diễm sắc, bằng thanh âm, bằng điệu bộ lại bài trí cho ái tình những cảnh mơ mộng nên thơ.

Ái tình phải cần có nhà chụp hình sửa bớt những nét xấu của tạo hóa, để ghi lấy những cảnh trí hữu tình và giữ

lại với thời gian các kỷ niệm đẹp đẽ của những tình cảm không lâu bền.

Ái tình lại cũng cần đến nhà bào chế để chống lại với bệnh tật là nỗi khổ vật chất thường gieo đến cho khách tình.

Tầm thường là anh thợ giặt mà có công với ái tình không phải nhỏ. Quyển sổ thợ giặt có thể coi là một bản thống kê của ái tình: giở đến những trang biên giặt nhiều, tưởng như đọc lại một thiên ký sự rất nồng nàn của trái tim.

Rút lại, bao nhiêu kỹ nghệ trong xã hội hồ hết là để tô điểm cho ái tình. Mà người đời càng sống lâu, ái tình lại càng phải điểm tô cho khéo thêm lên mãi: ái tình phải cần đến vẻ hồng nhan thì mới đậm đà, vả lại không phải thiếu nữ nào cũng có thể ngâm được câu thơ của Tchya:

Bèo nổi nước trôi em vẫn trẻ

Cái già như sợ cái hồng nhan!

Cái hồng nhan trái lại, lại sợ cái già ghê gớm, cho nên vẻ xuân kia mỗi ngày mỗi vùn vùn sẽ chiều, người ta cũng mỗi ngày mỗi tìm những cách thần diệu để khiến cho nó lại thêm mơn mớn...

Thiếu nữ bây giờ không còn như cô gái ế của La Fontaine, phải lo:

Nhà kia đổ còn tay thợ chữa

Má này nhăn biết sửa làm sao!

Bây giờ, không những má nhăn đã có phương sửa được, mà cả tấm thân mềm ẩm cũng có nhiều cách giữ gìn. Mỗi ngày bao nhiêu vị thông thái cặm cụi để lo phát minh ra thứ kem hay phấn lạ, có năng lực mầu nhiệm làm cho thớ da nhỏ

lại hoặc tươi lên. Mỗi ngày lại xuất hiện những máy tối tân để sửa chữa, để uốn nắn, để tô điểm như còn mới, những tấm hồng nhan đã phôi pha vì năm tháng.

Kỹ nghệ dùng các thứ nước thơm, dùng những hình ảnh ngây ngất, dùng những cách biểu diễn dâm dục mỗi ngày một thêm rõ rệt, dùng những thứ máy hay thuốc làm tăng sức phát điện của cái máy người mỗi ngày một suy mòn; như thế dường như chưa đủ, lại còn nhờ đến cả văn chương nữa, để mỗi ngày lại bày ra những chuyện, đặt ra những chữ, tả ra những hình dáng, khiến người xem đến phải nảy ra cảm giác mỗi ngày một mới: cảm giác mới lạ là thứ mà loài người chóng chán cũ, ai cũng hăm hở đi tìm.

Ngày nay, chẳng còn ai ưa cái già, cái xấu, cái mộc mạc nữa rồi. Truyện Lương Hồng Mạnh Quang đã thành một truyện

hoang đường, không ai muốn tin là có thật nữa: không còn ai tin được rằng lại có người lạ lòng đến nỗi “nâng án ngang mày” với một bậc giai nhân chỉ có cái đẹp... về tinh thần!

Vả chẳng, cái đẹp về tinh thần là cái đẹp thế nào, cũng không còn ai biết nữa!

Đạo làm mẹ, làm bà, ngày nay là gì?

Là giữ mình còn son như con như cháu.

Còn đạo làm chồng là phải cố công cùng sức, đầu tắt mặt tối, để noi tới cái mục đích cao xa: chèo được lên thân liễu yếu những thứ lộng lẫy mà không bền chặt, mỏng mảnh nhưng thật đắt tiền. Lo ăn không bằng lo mặc, cái cần dùng không cần lắm bằng cái không cần dùng, ấy là hiện tượng của văn minh.

Chung quy chỉ vì hai chữ ái tình.

Người ta vì tình phải chuộng về xuân, vì về xuân phải thân phục những người chế ra nó. Thế thì cố động cho ái tình, tức là cố động cho sự xa hoa, mà cũng tức là cố động cho sự tiến bộ.

Trên con đường tiến bộ ấy, phải nhận rằng xã hội ta đã đi được một bước dài. Che mặt đi, hỡi các người bi quan!

Sấm Thương chẳng vẹn chữ tòng

Truyện KIỀU

Tại sao chữ tòng thường chẳng vẹn, mà lúa đôi hay chia ra hai ngả như Sấm Thương? Nếu bỏ qua những cố li cách của đời hình thức mà xét riêng về sự ly dị trong tinh thần, thì “Sấm Thương chẳng vẹn chữ tòng” ấy chẳng qua vì yêu nhau với lấy nhau, là hai điều không thể nào dung hòa cho được.

Nói đến yêu nhau với lấy nhau, lại nhớ lại những nỗi đắn đo do dự của người Panurge.

Panurge hỏi Pantagruel xem có nên lấy vợ hay không. Pantagruel đáp:

– Nếu anh nhất định lấy vợ thì chẳng nên hỏi nữa. Chỉ việc thi hành cái ý đã định mà thôi.

– Đã đành, Panurge trả lời. Nhưng trước khi thi hành, tôi muốn anh hãy cho tôi biết ý kiến anh thế nào: nên hay không nên?

– Tôi khuyên anh nên.

– Nhưng nếu anh lại hiểu rằng cứ ở yên thế này, đừng thay đổi, tôi cho còn hơn là lấy vợ.

– Thế thì đừng lấy.

– Biết thế. Nhưng không lẽ anh bảo tôi suốt đời sống trơ trọi, không vợ không con ư? Trong Thánh kinh dạy rằng: “Khổ thay kẻ sống một mình³”. Thật ra người cô thân vẫn không có khoái lạc như là lứa đôi.

– Thế thì lấy vợ đi!

– Nhưng ngộ rồi tôi sẽ chẳng may bị ốm đau, không làm nổi phận sự người chồng, vợ tôi bấy giờ thấy tôi yếu ớt, mà dần lòng không nổi, đem hiến thân cho kẻ khác, không những không săn sóc đến tôi, lại còn nhạo báng cái khổ của tôi, và nếu lại bỏ chồng chơ vơ như tôi thường trông thấy ở đời nữa, thì thật chỉ tổ làm cho tôi mau chết mà thôi.

– Thế thì đừng lấy vợ nữa.

³ Nếu người này sa ngã, thì người kia sẽ đỡ bạn mình lên; nhưng khốn thay cho kẻ ở một mình mà sa ngã, không có ai đỡ mình lên! Truyền đạo 4:10

– Đành rồi. Nhưng không lấy thì làm gì có con cái để nối dõi và để hưởng những của cải mà tôi để lại.

– Thế thì lấy vợ đi!

Câu chuyện của Pantagruel với Panurge đến đây là bỏ dở: Panurge vẫn chưa quyết định nên lấy vợ hay không. Mà từ hồi Panurge đến ngày nay, vấn đề hôn nhân vẫn chưa giải quyết được xong xuôi.

Từ hồi ấy đến nay, loài người đã đi được một bước dài trên đường tri thức. Nhiều điều người ta đã lấy tinh khôn và suy xét mà rõ đến gốc nguồn. Duy có vấn đề hôn nhân vẫn còn ở trong chỗ mập mờ, chưa ai dám tự phụ là đã khám phá ra được rõ ràng.

Người ta vẫn mập mờ, mà người ta vẫn cứ lấy nhau!

Vì sao vấn đề hôn nhân từ trước đến nay giải quyết vẫn chưa xong?

Bao giờ cũng thế: đàn ông không có giai nhân ở cạnh, thì cuộc đời hiu quạnh, chẳng có việc gì làm được đến nơi; mà bậc giai nhân nếu ở luôn bên đàn ông, cuộc đời cũng chỉ được ít lâu sung sướng, rồi ra không đến giai nhân ngâm khúc oán, ắt là về phần chúng ta phải lao đao cõi lòng.

Là bởi vì đâu?

Vì ái tình không thể cùng với hôn nhân “bách niên giai lão” được.

Ái tình là một tình cảm bông lỏng lỏng lẻo – Ninon de Lenclos lại coi ái tình chỉ là một cảm giác chứ không phải cảm tình, và gọi ái tình là một huyền tưởng mà sự thỏa mãn sẽ làm tiêu tán đi ngay;

– ái tình bông lông lỏng lẻo thế, mà hôn nhân thì lại là tờ giao kèo nhất định và lâu dài.

Dìu dặt một thứ bông lông lỏng lẻo cho theo mãi mãi một thứ nhất định và lâu dài ấy là điều từ xưa, từ khi luân lý đặt ra cặp vợ chồng thứ nhất trên thế gian, người ta nghĩ mãi vẫn chưa tìm ra diệu kế.

Chưa tìm ra diệu kế, vì điều ấy trái hẳn với toán học: một với một vẫn là hai, không thể ghép sao thành một với một lại chỉ là một.

Nói rằng ái tình là một cảm giác không lâu bền, sẽ có nhiều người không chịu, vì nhiều người chung ý nghĩ với Euphile.

Euphile sống vừa một trăm tuổi.

Trước hôm chết một ngày, còn đi tha thần trong vườn, ôn lại những kỷ ức của cuộc đời đầy đủ, và tự nhủ rằng cả cuộc đời ấy đã đem ra phụng sự ái tình. Euphile thật lòng tin thế, không hề nghĩ như một nhà nho ta:

Từ lên một đến mười lăm còn trẻ nít

Sáu mươi năm cút kít đã về già

Tính trong vòng căn đá với trăng hoa,

*Ước phỏng độ bốn mươi nhăm năm
là sắp kiệt...*

Trong bốn mươi nhăm năm ấy, chùng hăm nhăm năm để ra để làm việc, mười năm để ngủ, ba năm để ăn uống, tắm giặt, quần áo, sáu năm để cờ bạc chơi bời, và sáu tháng trừ vào những khi ốm đau vật vãnh. Còn lại bao nhiêu để phụng sự ái tình? Còn lại một cái thời

gian ngăn ngủi: sáu tháng mà thôi!

Sáu tháng ấy đã rập (dập) tắt hết bao nhiêu năm khác, khiến cho Europhile tưởng tượng rằng cả trăm năm đã cống hiến cho ái tình.

Cái tưởng tượng này lại còn thêm vẻ nên thơ nữa. Những người như Europhile đều mãi sống một cuộc đời “tiểu thuyết”, trong trí lúc nào cũng mơ màng một người tình đã đẹp lại ngoan, một người tình kết tinh cả mọi điều hay vẻ đẹp trên đời. Trong lúc về cuộc đời, về tình cảm, ý nghĩ hồ hết là đẹp đẽ cao thượng, thì dù đến hết tuần “trăng mật” rồi, ai cũng vẫn tưởng người tình thật đủ nét như người trong mộng, lại thật bụng tin rằng trăm năm trọn một cuộc tình, tình đôi lứa sẽ cùng hai mái đầu, bạc như trắng thu, trắng như tuyết núi...

Chẳng qua ái tình làm loạn trí khôn, nên người tình xấu trông ra đẹp: trắng bủng thì trông như tuyết, đen sạm thì gọi da dâu, gian lận bảo là khôn khéo, đại dốt cho là hiền lành...

Đêm nằm thì ngáy o o,

Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà!

Chàng “hiệp sĩ mặt buồn” Don Quichotte, yêu nàng Dulcinée, khi nàng xay lúa thì tưởng như nàng ngồi chọn ngọc, khi nàng xé thư vì không biết chữ mà đọc, lại khen nàng là người giữ kín tâm tình.

Than ôi, giấc mộng đẹp đẽ này, rồi thời gian sẽ làm tỉnh dậy dần dần. Ái tình là một giấc say sưa mà khi bừng mắt người ta hay buồn: cái buồn của thể chất đã tắt nhiên rồi, cái buồn tinh thần cũng có.

Nay nếu ta dần lòng thoát ra ngoài vòng tưởng tượng mà nhìn hẳn vào sự thật, nhà văn hào Bernard Shaw sẽ nhủ cho hay: “Ái tình chẳng qua là một sự cần dùng của thân thể, cũng như cần ăn cần uống, mà thỏa mãn sự cần dùng ấy, tức là làm một điều hợp phép vệ sinh”.

Ăn uống có thêm mới ngon.

Yêu nhau, nào có khác gì.

Ai không nghiệm rằng lứa đôi chỉ keo sơn trong một lúc “thêm” nhau. Đến khi đã đã thêm, không xa nhau ắt sinh buồn rồi chán.

Thế thì ái tình đem ghép với hôn nhân, phỏng được mấy keo! Cho nên người ta gọi ngày lấy nhau là ngày tận số của ái tình, thật không quá đáng.

Ái tình còn có thể khép án sự hôn nhân bằng lẽ nữa.

Là ái tình, khi đã là làm thỏa cái cần dùng của cơ thể, lẽ tất nhiên phải tùy ở sức cần dùng ấy ít hay nhiều. Có cơ thể dung được nhiều, lại có cái chỉ kham được ít (ấy là chưa kể sự khác nhau của cơ thể về phương diện đo lường).

Nay đem hai cơ thể ràng buộc vào nhau, trong suốt một đời, điều cần nhất, há chẳng là xét xem luật cung cầu của hai cơ thể ấy có ngang nhau không hay sao! Điều cần nhất này lại là điều mà sự hôn nhân tuyệt nhiên không lưu ý tới.

Với những cơ thể dung được nhiều như cơ thể nàng Hạ Cơ, sự hôn nhân nếu muốn cho bền chặt, ắt phải đem ghép nó vào những cơ thể có sức tương đương, hoặc có công đào luyện như cơ thể người

Khuất Vu, đã ba năm luyện theo sách “Phòng trung bí thuật” của Bành Tổ.

Đời nay những cơ thể thật mạnh mẽ là cơ thể nhà thể thao. Mà nhà thể thao thì lại cần phải khem miếng ái tình lắm lắm... mới giữ được kỷ lục. Còn những người có chí đào luyện như Khuất Vu, lại hiếm nổi không tìm ra sách của Bành Tổ; vả lại số những người này cũng rất ít, vì không mấy ai nhận ra rằng cái luật cung cầu trên kia là phải giải quyết thì mới yên.

Trong khi khó tìm ra những cơ thể kham nhiều, cái số cơ thể dung được nhiều như cơ thể nàng Hạ Cơ, lại không phải là của hiếm hoi.

Còn ghép sao cho ổn nữa!

Hôn nhân là điều bó buộc trái hẳn với tính người.

Tính người thích đổi thay, mà hôn nhân bắt suốt đời giữ nguyên một mực: hôn nhân làm thế nào tạo được hạnh phúc cho đời người!

Người ta lấy nhau, vì yêu nhau.

Có nhiều người lấy nhau vì danh vì lợi, nhưng đó chỉ là hợp nhau lại làm một việc buôn bán, không phải là lấy nhau.

Cô con nhà phú hộ lấy ông tham mới đỗ, cậu cử nhà bạch đình lấy tiểu thư con quan lớn đã sa sút, ông già lấy hầu non, gái tơ lấy con nít, ấy đều là những cuộc gán ghép của lợi với danh. Lại còn nhiều người coi việc lo vợ cho con tức là lấy dâu cho mình: lấy dâu cho mình cũng như nuôi đứa ở không công, còn con mình có ứng thuận hay không, không cần biết đến.

Thế sao gọi được là hôn nhân!

Cái nghĩa chân chính của sự hôn nhân phải ở trong ái tình.

Ái tình đã là một tình cảm không lâu bền, nó tất có ngày phai lạt. Bấy giờ, làm cách nào giữ lại được dây duyên?

Hay bảo rằng sau tình còn có nghĩa, sau ái còn có ân, ân nghĩa đủ thay cho ái tình mà gắn bó cuộc trăm năm?

Ân nghĩa cũng có thể thay được ái tình, nhưng đã đến nghĩa với ân, thừa bà, là hết tình với ái. Ân nghĩa tức là bốn phận, bốn phận đâu phải là ái tình! Mà bốn phận ấy ví để tự ta làm lấy, ta còn vui lòng làm hơn là khi ta bị tờ giấy giá thú bắt buộc phải làm.

Huống chi “yêu nhau yêu cả đường đi...”

Đến khi đã “ghét cả tông chi họ hàng” mà lại ép phải vẫn có tình yêu rồi rào [dôi dào] chan chứa, há chẳng là quá ư vô lý?

Hai người đàn ông chơi với nhau, không có khoán ước gì ký kết, mà tình bằng hữu thường rất lâu bền. Một người đàn ông với một người đàn bà muốn yêu nhau, còn phải mượn người làm chứng, phải ký sổ hộ tịch, phải quỳ lễ ông Tơ... Ngán ấy điều kiện đủ tỏ rằng nhà luân lý cũng biết sẵn sự hôn nhân là khó theo, nên tìm hết mọi phương ràng buộc; lại đủ tỏ nữa rằng ngay lúc lấy nhau, hai bên đã không tin nhau rồi, nên mới phải cẩn thận đến thế. Không tin nhau mà suốt đời vẫn phải ở bên nhau, giữ thế với nhau như hai người cừu địch, phỏng còn sung sướng gì mà chịu làm sao nổi!

Thế cho nên dù chỉ đỏ buộc ràng, dù giấy tờ ký kết, sự lìa nhau người ta ng-

hiệm thấy ở tình bè bạn ít hơn trong vợ chồng,

De La Fouchardière có viết: “Bảo lấy nhau cũng như mua bán với nhau, là không đúng. Mua bán chỉ có một bên bị lừa; lấy nhau, hai bên cùng bị lừa cả”.

Hai bên cùng bị lừa cả, vì không bên nào biết rõ bên nào, bên nào cũng muốn mập mờ lẫn nhau.

Ấy thế mà xã hội lại công nhận, lại khuyến khích sự hôn nhân. Ấy thế mà ai ai cũng xăm xăm đi tìm hạnh phúc trong sự hôn nhân.

*

Nói rằng xã hội làm lắm điều vô lý, sẽ có nhiều người cho là nói ngược đời.

Nhưng nếu lý trí có thể trái lại với lẽ phải thông thường của quần chúng, ta sẽ nhận thấy nhiều chứng cứ tỏ rằng điều vô lý kia không những xảy ra luôn, mà lại lắm khi rất nên gai mắt nữa.

Một cô gái nghèo, gặp buổi trời đông, cơm không đủ no, áo không đủ ấm, ví thử có hiến thân trong chốc lát cho khách qua đường để lấy chút tiền mưu sống, xã hội đã khinh bỉ ngay, đã ruồng rẫy ngay, cho ngay là một việc bại hoại luân lý, suy đồi phong hóa.

Trái lại, xã hội không ngớt lời khen cô thiếu nữ ngây thơ nọ, thốt nhiên thấy mình đứng vào địa vị một người vợ, phải đầu gối tay ấp, phải ăn đời ở kiếp, với một người đàn ông mình chưa từng quen biết bao giờ. Dù người chồng tử tế hay độc ác, thiếu nữ cũng phải cắn răng mà chịu, chịu phục tòng mệnh lệnh như

hàng tôi tớ, rồi đến khi chồng chết, lại phải để tang như tang bố mẹ, và giữ tiết cùng thắp hương thờ cho đến trọn đời...

Cái vô lý của sự hôn nhân, người ta chứng tỏ nó bằng những cuộc dan díu ở ngoài phạm vi gia đình, những cuộc kết hôn sau nhà thờ hay sau tòa đốc lý, nghĩa là những cuộc ái tình không có áp mầu triện đồng, những cuộc kết hôn phản đối lại sự hôn nhân.

Người ta lại còn chứng tỏ cái vô lý kia bằng sự li dị.

Ly dị là điều mà luật pháp phải đặt ra để cứu lại một phần cái lầm của luân lý.

Bỏ nhau, ấy là phá tan cái dây buộc mà luân lý đặt ra. Mà bởi lấy nhau là một điều của lễ văn gây nên, cho nên bỏ nhau, người ta cũng phải bắt theo vào

khuôn phép của lễ văn. Cái lễ văn người ta dùng để tô điểm cho cuộc đời một vẻ trang trọng, lắm khi ta phải ngờ, không biết rằng nên trọng thật hay chẳng.

Ngày nay trên thế giới, có nhiều nơi người ta muốn thử quay lại lối sinh hoạt đời thái cổ, không học hành, không quần áo, không cưới xin. Xã hội ta có lẽ cho thế là mọi rợ, là trái ngược với nhân luân. Biết đâu hạnh phúc lại không ở trong cái mọi rợ, cái trái ngược ấy!

*

Xã hội đã có lễ văn, thì bài bác cái lễ văn ấy, diễn ra những tư tưởng hoặc ý kiến có hại tới lễ văn, có phải là làm một điều vô đạo chẳng?

Nhà phê bình Brunetière cho những thuyết trái với trật tự và luân lý của xã hội, đều là tà thuyết.

Song le, ta phải nhận với Anatole France rằng luân lý chỉ là những khuôn phép mà ta phải theo để sống trong xã hội hiện thời; còn những lý thuyết riêng mà mỗi ngày có người xướng lên, thì lại do cái lẽ mà chính người ta tin là phải. Những lý thuyết ấy, nếu có trái với luân lý, là trái với luân lý hiện tại mà thôi. Biết đâu điều bây giờ luân lý cho là trái ngược, mai sau lại không gặp lúc thích thời? Đến lúc thích thời, nó sẽ hết là tà thuyết.

Ta đã từng nghiệm rằng hôn nhân là cừu địch của ái tình. Ta đã lại bàn đến sự vô lý của hôn nhân. Nay thử xét xem ái tình cái ái tình mà ta lấy làm nền tảng cho sự hôn nhân là việc trăm năm, – ái

tình ấy có thể cũng dai dẳng mãi trăm năm cùng với hôn nhân được chăng.

Nhà nho tượng ái tình bằng chữ xuân, gọi những cảm giác về ái tình là xuân tình, xuân tứ... Như thế há chẳng phải các ngài cũng nhận rằng ái tình là sự cần dùng của nhục thể, cái nhục thể chỉ thấy cần dùng trong lúc khỏe mạnh, nghĩa là trong buổi xuân xanh mà thôi!

Rồi ra, lúc chín chục thiếu quang đã hết, lúc hai tay áp lấy đôi vầng tóc mai đốm bạc, ấy là lúc “bạch phát với hồng nhan chùng ái ngại”, bấy giờ ta mới nhận ra rằng:

Tình một độ luống già thêm một độ

Duyên trăm năm khôn trở lại trăm năm

Chén son kia đem nguyện với trăng già, lúc ấy mới rõ điều ao ước không bao

giờ thỏa được, chẳng khác nào điều ao ước của người chinh phụ:

Thiếp xin chàng chớ bạc đầu

Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung!

Màu trẻ trung đến khi đã thành ra già dặn, ái tình tự nó rồi giảm đi, người ta mới quay về tìm thú đoàn viên.

Napoléon nói: “Đàn ông nếu không già thì cần gì lấy vợ”.

Sự hôn nhân đến chỗ này không còn dựa được vào ái tình nữa, phải xoay quanh chữ nghĩa.

Cũng bởi hôn nhân long đong như thế, nên người ta chỉ thấy ở đời có những lứa đôi vừa phải, không có cặp vợ chồng nào cực kỳ sung sướng. Cuộc hôn nhân nào cũng chẳng qua như Taine đã nói:

“Yêu nhau ba tháng, cãi nhau ba năm, chịu đựng nhau ba mươi năm, rồi đến lượt đàn con lại bắt đầu lại y như thế”.

*

Đến lúc ái tình đã theo với sức khỏe mà giảm đi, đến lúc lòng xuân cũng theo với buổi xuân mà tàn tạ, có lẽ ta phải theo lời dặn của Alain: “Nếu muốn cho hôn nhân là nơi trú sở của lứa đôi, ái tình phải đổi dần ra tình bằng hữu”. Như cô Kiều:

Dem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ

May ra mà được cách ghép của sự hôn nhân không đến nỗi cầu thả sai lầm quá như ta thường thấy hằng ngày, thì sau ái tình, lứa đôi sẽ còn là đôi bạn hiểu

nhau, thương nhau, biết tha thứ cho nhau, dắt tay nhau cùng đi đến lúc bạc đầu mà cùng san sẻ cho nhau những nỗi buồn của lúc bạc đầu.

Sau ái tình, lứa đôi thật hoàn hảo mới có thể yêu nhau vì nết, trọng nhau vì tài.

Còn ngoài ra, không phải là vô cớ mà người đời đem chữ nợ ghép vào chữ duyên.

Nợ đây là một gánh nặng tự nó chất lên vai những người không có đủ can đảm ruồng bỏ luân lý, hay những lứa đôi, sau khi ái tình đã tiêu tán, còn bị bắt buộc phải giữ lại một dấu vết, một kết quả, cái dấu vết không ngờ có, cái kết quả không đợi trước: đứa con.

*

Schopenhauer nói: “Người hãy ngỏ cho ta biết người cho cuộc đời là thế nào, mục đích cuộc đời ở đâu, bấy giờ ta sẽ cho người hay rằng người có đáng đẻ con hay không.”

Nếu ai cũng lo trả lời cho được câu hỏi của triết nhân, chắc hẳn ít người dám đẻ con.

Người ta không cần phải nghĩ cuộc đời ra sao, không cần phải biết mục đích cuộc đời là ở đâu, người ta vẫn cứ đẻ con.

Sự đẻ con, có kẻ đã cho là tự tạo vật muốn cho ta bảo tồn lấy nòi giống, nên đã giấu sẵn trong việc ấy một cái khoái lạc khiến cho ta ham, ta ham rồi ta cứ việc đẻ con, như con sâu kia, tuy chẳng nhìn thấy gì mà cũng tự nhiên tìm thấy đường đi tới nhị hoa...

Cho hay người ta sinh ra ở đời thật chẳng vì một lẽ gì cao thượng cả. Cái gốc sự sinh đẻ có chăng chỉ là do một khoái lạc tục tằn của lứa đôi!

Vì cái khoái lạc tục tằn này mà rồi ta phải “mang tiếng khóc ban đầu mà ra” rồi lại sống mấy mươi năm lặn lội, khó nhọc, lổ lằng, trong một côi mà lắm kẻ cho là nơi bể khổ...

Nghĩ thế rồi ta lại nghĩ rằng trước khi ra đời, dang dăng chín tháng mười ngày phải nằm bên những chất nhơ bẩn nhất trên thế gian, bấy giờ hẳn ta sẽ đồng ý với Montesquieu mà bảo: “Loài người có đáng thương, là ở lúc lọt lòng, chứ không phải khi nhắm mắt”.

Nhưng vì lẽ gì tục tằn mặc lòng, đứa con cũng đã sinh rồi, lứa đôi khi ấy nghĩ ra sao? Tất nhiên là phải chăm chút lấy

nó, phải lấy tình yêu con để thay vào tấm ái tình đã vì hôn nhân mà mất.

*

Đơn thuốc của một thầy lang không có trí quyết đoán, thường kê vị này phản lại vị kia, các vị giằng co nhau cho sức thuốc khỏi có công phạt quá mạnh đến người bệnh. Hôn nhân là cái đơn thuốc của luân lý để chữa bệnh cho xã hội. Bởi luân lý cũng như thầy lang, không dám quyết đoán, nên mới đặt ra tình cha con, nghĩa vợ chồng, để ràng buộc hôn nhân, cho xã hội dai dẳng mãi mà không thương tổn lắm đến đời người...

Biết ai là dại, biết ai khôn.

Tú XƯƠNG

Đời gọi ai là ngu, ta có thể yên trí rằng đó là một người ăn chẳng biết mùi, thở chẳng ra hơi, đi không biết đường lại...

Cái ngu dẫu có khi giống in như sự khôn tuyệt đỉnh, – sự khôn tuyệt đỉnh có lẽ chỉ là một cách ngu, – song bảo ai là ngu thì có người nghe, mà khen ai khôn, mọi người sẽ phân vân, không tưởng tượng được như thế nào là khôn.

Khôn là thế nào?

Nếu hỏi thăm ra, loài người có chẳng toàn một giống ngu.

Vì ta sẽ thấy ông A coi ông B là ngu, ông B coi ông C cũng là ngu, cho đến ông Y ta vẫn thấy coi ông Z là ngu. Ngược lại, từ ông Z trở lên, thì ông Y, ông C, ông B, đối với những người chê mình, không những không cho họ là khôn, mà lại còn là ngu hơn các ông mấy bậc.

Không ai chịu cho người khác khôn hơn mình.

Có lẽ chỉ những người khôn quá mới tưởng mình là dại.

Còn thì nói như tây ngạn rằng “Kẻ ngốc bao giờ cũng tìm được những đứa ngốc hơn nó ca tụng mình” hình như không đúng lắm. Anjélor Frontel bảo:

“Kẻ ngốc thường gặp đứa ngốc hơn nó coi mình là xuẩn”!

Bị kẻ ngốc coi mình là xuẩn, Courte-line cho đó là cái khoái của những người sành...

*

Có một hạng văn sĩ mỗi khi đọc bài văn nào không phải của mình, thì đầu môi lắc đầu, hạ một giọng rất khinh bỉ:

Rỗng tuếch!

Rỗng tuếch, trong ý các ngài, là thứ văn ba hoa thiên địa, thứ văn đọc kêu vang vang mà rút lại chẳng có một tư tưởng gì đáng được các ngài cho là chắc chắn.

Tuy nhiên, cũng nên phân biệt ra nhiều thứ rỗng.

Rỗng như trống cà rùng, đánh nên tiếng hùng dũng. Rỗng như chuông chùa, nên nên tiếng thanh cao. Rỗng như cây tỳ bà, gảy nên âm tao nhã. Rỗng như tù và còn đủ kêu được trộm. Rỗng như cái mõ, nheo nhéo như réo quan viên. Rỗng như trống khẩu tong tong. Rỗng như vỏ thùng, đập lăm cũng chỉ kêu lên bồm bộp.

Văn sĩ có thứ văn sĩ vỏ thùng, văn sĩ trống cà rùng, văn sĩ tù và, văn sĩ trống khẩu.

Nhưng làm thế nào mà biết cho rành?

Tiếc thay, Chung Kỳ không còn ở lại, để lắng tai cho rõ hộ nhau!

*

Ngẫm ra, khôn đại, rỗng đặc, chẳng qua như nặng nhẹ, nhanh chậm, hay nóng lạnh... chênh lệch nhau là do sự so sánh.

Do sự so sánh, nên đứng trên đỉnh núi, có người cho bàn tay mình là to, vì thấy nó che lấp được cả một vùng trời; mà ra đến đại dương mênh mông những nước cùng trời, lại cảm mình là vật nhỏ bé không thấm vào đâu.

Ví đem bỏ sự so sánh đi, bao nhiêu nỗi bất bình sẽ hết.

Không có vật gì mình đối riêng mình lại lạnh hay nóng, nhanh hay chậm, nặng hay nhẹ. Không có ai mình đối với riêng mình lại nhỏ hay lớn, rỗng hay đặc, đại hay khôn.

Tiếc rằng khi biết mình đối riêng mình, ấy là lúc phần nhiều đã gần kề miệng lỗ.

Màn chót tấn kịch bấy giờ từ từ hạ xuống, con hát nhìn lại ai cũng như ai, cái thời gian đóng trò ngắn ngủi sẽ chẳng khiến cho ai có thể lên câu rằng mình đã từng đóng một vai quan trọng trên sân khấu đời...

Còn thì ở vào lúc còn cạnh tranh, mình đối riêng mình, chỉ là tấm lòng tự ái.

Đối với con, mẹ hát là hay, đối với vợ, chồng là tài giỏi.

Muốn làm vĩ nhân, không có gì là khó.

Mỗi người chúng ta đều có thể làm được vĩ nhân: vĩ nhân của mình ta, vĩ nhân của gia đình...

*Đốt lò hương, hỏi
chuyện người ngày xưa.*

Nguyễn Khắc HIẾU

Người xưa coi sự đọc sách như một điều rất thận trọng, rất kính cẩn: đem tư tưởng của người trước ra để luyện lấy tâm thần. Cho nên lúc đọc sách, phải ngồi nghiêm chỉnh bên thư án, đốt lư trầm cho khói tỏa thơm tho, sửa giọng trong mà ngâm nga vang động.

Khói thơm với tiếng vang dùng vào sự đọc sách, cũng như dùng trong việc thờ kính Trời Phật. Trời Phật là đáng vô

hình; muốn cho thể nhân tưởng tượng rằng đấng vô hình vẫn phảng phất ở trên đầu, người ta lấy khói thơm cho bốc lên nghi ngút, rồi tỏa ra và tan dần vào khoảng không; lấy tiếng vang cho rung động, rồi ngân ra và chìm dần vào cõi vắng, khiến như đưa ta dần dần từ cõi hữu hình vào chốn vô hình.

Muốn cảm thông với người xưa, muốn cho tư tưởng người xưa tỏa ra và ngân vào tâm hồn, sự đọc sách mới cần đến lư trầm và giọng bình văn. Trong câu: “Xuân tụng” của sách nhỏ, chữ Tụng há chẳng là đọc sách theo lối Bàng Thống đó sao? Bên Tây, xưa cũng có lối bình văn, nên thánh Ambroise, lúc về già, mới lấy làm buồn rầu nhất là không đọc được sách, vì đau cuống họng.

Ngày nay không thế nữa. Ta đọc sách bằng lối yên lặng. Có lẽ vì ta ở trong một

thế giới ồn ào, nên phải dùng sự yên lặng mới lắng vào được đến tâm hồn...

*

Khi xưa, đọc sách là để luyện tinh thần và trí thức. Cho nên chọn được sách hay mới đọc. Vả chăng sách vừa hiếm vừa đắt tiền, không phải ai ai cũng có mà đọc. Phương Tây, sách làm bằng gạch, bằng đá, bằng da, bên Đông thì bằng tre, bằng lụa. Làm nên một cuốn sách công phu lắm nên số sách được in, được chép, phần nhiều là sách hay cả.

Về thế kỷ thứ XVII, tủ sách của triết nhân Spinoza chỉ có 60 quyển. Bây giờ, nhờ sự tiến bộ của nghề in, nước Pháp mỗi năm xuất bản ngoài 3000 quyển, bên ta cũng mỗi năm in ra được vài trăm.

Đời người có hạn, ta đọc sao cho hết sách! Vậy ta nên đọc những sách gì?

Tứ thư chẳng, ngũ kinh chẳng?

Platon chẳng, Pascal chẳng?

Thú sách mà cả thế giới đọc, thú sách mà mỗi ngày in ra hàng hà sa số, thú sách mà người ta quảng cáo rầm trời, là về loại tiểu thuyết, trong đó tác giả kể cho loài người những câu chuyện mà mục đích chỉ là làm cho tiêu khiển.

Cũng có người lại đọc sách để nghĩ đến chuyện khác. Aristide Briand mỗi ngày đọc hai cuốn tiểu thuyết, đọc xong thì chuyện cũng quên, quên cả đến tên tác giả: Briand đọc tiểu thuyết để lo việc nước!

Sách càng ngày càng nhiều, thì sự đọc sách phải đổi mục đích cũng là lẽ

thường. Số ả đào ngày càng đông, càng có nhiều người không biết hát, ấy cũng vì khách đi chơi phải chọn ở ngoài làng phong nhã, chọn trong số người mà cái mục đích không phải là thẩm âm!

*

Mỗi ngày, mấy ngàn triệu cuốn sách tung ra trên thế gian. Có lẽ chẳng đó là triệu chứng của sự văn minh tiến bộ?

Nhưng ở đời có vài ba tư tưởng cốt yếu, người ta nghĩ ra đã tự lâu rồi. Đời nọ nối đời kia, chỉ là nhắc đi nhắc lại những tư tưởng ấy, mỗi đời một cách khác.

Có gì mới lạ đâu! Mới là tự người ta bây giờ mới hiểu.

Mấy trang điển ghi ở kinh Thư, ấy là văn tự của lúc ngày Nghiêu tháng Thuận. Nếu hiểu rằng: những dân sung sướng không có lịch sử, thì cái ý nghĩ “văn càng phiền, đời càng suy” có lẽ rất đúng với lúc thế đạo suy vi...

Thật thà có một, đờn sai chẳng hề.

Truyện KIỀU

Đối với nhà đạo đức, dối trá là một tội to: bốn phạm người ta, danh dự người ta, là ở nét thật thà và bụng biết yêu sự thật.

Sự thật vẫn đành là tốt đẹp, thiêng liêng, nhưng giá chỉ bắt thờ trong phạm vi tinh thần, giá chỉ bắt “kính nhi viễn chi”, các ngài đâu đến nỗi thất vọng cho lắm! Bởi nhà đạo đức trông sự thật không thấy nó trơ trẽn và chán ngán như mọi người, nên vẫn yên trí sự thật là dễ

theo và phải theo, không ngờ rằng đối với mọi người, dối trá mới lại chính là điều thật cần cho những ai muốn sống một cách êm đềm.

Trong gia đình muốn vui vẻ? Thì vợ dối chồng để chồng tin vợ, chồng dối với vợ để vợ tin chồng.

Có còn tin nhau, lòng yêu mới còn, mà muốn cho tin nhau, còn cách nào diệu hơn là dối nhau!

Trong tưởng tượng ví muốn được nhiều khoan khoái, cũng phải mình tự dối mình, lúc nào cũng cho mình là thánh tướng, có tài cải tạo được cuộc đời.

Muốn khỏi méch lòng người trong cuộc xã giao, lại cần dối trá cho nhiều. Dối trá là một cách thương người: gặp

kẻ vô tài là người hay tự phụ, nên nói dối cho họ khỏi rầu.

*

Thiếu nữ dối người tình, người tình mới không đau khổ hay thất vọng vì niềm tâm sự đã có nơi san sẻ.

Thầy lang dối con bệnh, con bệnh mới nuôi được một vài hy vọng may ra có thể cứu mạng mình mạnh hơn vị thuốc.

Nhà ngoại giao phải lừa dối nước ngoài, mới khiến được người ta chịu nghe chánh kiến của nước mình.

Người khách lịch thiệp phải dối chủ nhà, chủ nhà mới khỏi áy náy về những điều sơ suất trong sự tiếp nghênh.

Sự dối trá trong xã giao, thật không lúc nào không có.

Rõ rệt nhất, là ngày mồng một tết.

Mồng một tết, bao nhiêu điều lo nghĩ phải nén hết mà làm một bộ mặt tươi cười để chúc tụng cho hết thấy mọi người được muôn ngàn điều may mắn. Những lời chúc tụng ấy, tết trước đã đem hiến cho người, đến qua một năm, ngó lại muôn ngàn may mắn chẳng đến được một hai, thế mà vẫn phải lặp lại muôn ngàn điều ấy cho khắp bấy nhiêu người!

Biết rằng cuộc đời chẳng bao giờ như nguyện, biết rằng thất vọng là món ta phải nếm hằng ngày, mà vẫn phải vui mừng chúc hảo cho nhau, cái lễ phép của xã hội thật trớ tráo lắm thay!

Mark Twain nói: “Những điều lễ nghi trong nền giao tế chỉ là một tòa lâu đài tráng lệ, xây bằng những sự dối trá nhân từ”.

Dối trá không cứ phải nói ra: có khi không nói năng gì, sự dối trá lại nhiều công hiệu.

Có nhà triết nhân bảo rằng sự thật chỉ có ở trong lúc nói ra, còn khi chưa nói hay lúc nói rồi, đều là dối cả.

Nghĩ kỹ ra, còn ai dối nhau bằng đôi trai gái ngồi nhìn nhau mà chẳng nói? Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa, hai người cùng tưởng tượng ra đôi bạn ý hợp tâm đầu. Nhưng hễ nói ra lời, hễ muốn giải bày tấm lòng yêu mến, hai bên sẽ lại không hiểu nhau nữa, không ưa nhau nữa, có khi không yêu nhau nữa, vì hai bên cùng thất vọng: bấy giờ mới vỡ ra rằng mỗi người một ý, hai lòng chẳng hòa chung một điệu bao giờ...

Vì sao cô Vẹo lấy tên là Bích Đào? Ấy cũng cũng lại là vì cô muốn làm một điều dối trá.

Trong cô thiếu nữ nào cũng có hai phần: một phần cô Vẹo một phần Bích Đào tiểu thư. Lúc bác mẹ sinh ra, lúc vá may chợ búa, phải xô đẩy trong thực tại, thì là cô Vẹo, một cô gái hoặc khôn ngoan sắc sảo, hoặc đần độn lơ đãng... Đến khi má đỏ ngực căng, cô muốn lấy chồng, thì cô mơ màng, cô mong ước. Đứng trước gương “giận thiếp thân lại không bằng mộng”, tự nhiên cô thấy cần phải đổi tên là Bích Đào, cái tên xinh xinh đáng yêu.

Những tên Bích Đào, Hồng Mai,... cũng như màu phấn trắng hồng, màu son đỏ chót, như đôi gót cao đổng đánh, như tà áo mỏng phất phơ, đều là những

thứ cô gái dậy thì cần đến, để mộng với mình trước đã, rồi khiến người ngoài mộng chung.

Giấc mộng rồi có khi thành ra sự thật: bấy giờ những tên Bích Đào, Hồng Mai... sẽ chói lọi trong cõi sắc tài, xóa nhòa hẳn cái tên xấu xí của các cô khi vừa ở ruộng cấy bước lên.

Từ khi có khoa quảng cáo trong nghề buôn, thứ phấn nào cũng tốt, thứ thuốc nào cũng hay, thầy tướng nào cũng giỏi như thần, thi sĩ nào cũng tài như thánh... Những tên Bích Đào, Hồng Mai chẳng qua là một phương quảng cáo!

Cũng hay.

Để cho người ta tưởng tượng rằng phấn tốt dùng không hại da, thuốc hay chữa bệnh nào cũng khỏi, có khác gì để cho ai ai cũng tưởng tượng được rằng

cô này mơn mớn như bông đào, cô kia thanh tú như đoá mai.

Để cho tưởng tượng, thế gian mới nảy ra thi vị, đời người mới có sinh thú...

Dối trá đã là một “đức” cần cho mọi người, thì cái người suốt đời chỉ biết “ăn ngay nói thật” hẳn không bao giờ có, vì nếu lỡ ra lại có một người kỳ khôi như thế, những người chung quanh sẽ chẳng ai chịu nổi, rồi người “thật thà như đếm” ấy sẽ tự thấy mình không ở được trong xã hội loài người.

Ở trong xã hội loài người, phải dù tẻ dù vui, dù thức dù ngủ, ai cũng dối trá, lúc nào cũng dối trá.

Cánh đồng lương tâm chỉ là một bãi tha ma, ngổn ngang nấm mồ của những câu dối trá.

Có cái dối mà thật, có cái thật mà dối.

Thật mà dối như đuôi gà cô gái cổ: chính là bằng tóc thật, nhưng đem giặt sang đầu người khác.

Dối mà thật như lông mày hay nốt ruồi cô gái mới: đều là vẽ cả mà ai cũng cho là tự nhiên.

Dối thật với thật dối như thế còn dễ nhận; khó nhận cho ra dối thật, nhất là đạo đức.

Đạo đức thật, là người không hay nói đến đạo đức, không cần đến đạo đức và không phải tỏ cho ai biết đạo đức, chỉ đem đạo đức ra hành vi cho hợp thiên lý và lương tâm. Đạo đức dối thì trái lại, lúc nào cũng làm ra bộ đạo đức, từ nét

đi dáng đứng cũng giữ gìn cho có vẻ đạo đức, miệng chỉ nói toàn những lời đạo đức.

Đạo đức dối, trong lúc xử thế, giở hết mảnh khỏe gian lận để lừa người, nhưng trước bàn thờ thánh, lại xuýt xoa khăn vái, trông thành thực mà từ bi. Đạo đức thật, có ai biểu diễn thế!

Song, đối với người đời, đạo đức thật thường bị coi là vô đạo, đạo đức dối mới chính là đạo đức. Vì cái đạo đức ẩn trong việc làm, chẳng ai nom thấy được mà tin, người ta chỉ thấy bọn người núp sau lưng cái đạo đức của một đảng từ bi, thì tin ngay là người đạo đức...

*

Dối người thường ít, dối mình mới nhiều.

Mỗi việc ta làm là một phen ta phải đối ta.

Việc nào của ta, ta cũng muốn thiên hạ cho là hay là phải. Muốn thiên hạ cho là hay là phải, tự ta phải cho là hay là phải trước đã. Cho nên ta tìm ra lý này, viện ra chứng kia, để bênh vực việc mình làm. Rồi chính mình có đủ lẽ khiến cho có thể quyết rằng việc ấy là hay là phải, ta mới làm. Đó là điều nhà tâm lý đã xét thấy quả nhiên.

Cho hay người ta suy xét, không phải để xếp đặt việc mà làm cho đúng lẽ và hợp với lương tâm. Suy xét nhiều khi chỉ để tìm cho ra lẽ mà che đậy việc mình muốn làm.

Việc nào đối với mình đã là hay là phải, còn khó khăn gì mà không biện bác cho ai nấy cũng tin là hay là phải như ta.

Tài hùng biện là gì, nếu không phải là tài cãi cho những việc làm hay ý nghĩ của mình, thế nào cũng là hay là phải!

Trong mười việc chưa ắt có một là theo vào chân lý.

Thế thì làm sao cho việc nào làm cũng phải cũng hay?

Mỗi người bởi vậy phải có một luân lý riêng, để giữ lấy lẽ về mình.

Trong cuộc xô xát của hiếu với tình chẳng hạn, khi hiếu thắng, thì người thiếu phụ quả quyết rằng

Ôn cha nghĩa mẹ tây trời

Dẫu rằng ở góa trọn đời cũng cam!

Đến khi tình thắng, thì ngay lúc đưa đám cha, thiếu phụ cũng có thể thú rằng:

Hai tay vin lấy đòn rồng,

*Tội trời em chịu, em thương chồng hơn
cha*

Lúc nào thiếu phụ cũng tự cho mình là phải.

Có người đã nói rằng kẻ lương thiện có luân lý của kẻ lương thiện, phường gian ác cũng có luân lý của họ. Luân lý của họ cũng đanh thép lắm, mới khiến họ yên tâm mà làm việc gian ác.

Thì, người gian ác đến đâu mà không có khi làm nên một việc lương thiện: chỉ một việc lương thiện ấy đủ có thể lực xóa được mọi điều sâu xa. Quân trộm chỉ nghĩ rằng nuôi được con thơ, cứu được mẹ già, hay lấy của phi nghĩa của anh trọc phú, thế là đủ không coi việc ăn trộm là một điều gian xảo.

Người ta nghiệm ra lý trí hay bị lòng thị dục làm mờ; nếu lý trí không đủ sức chần lòng thị dục, thị dục sẽ tự nó tìm lấy đường làm xiêu lý trí: mỗi khi thị dục thấy một lẽ phải chẹn lối không cho phát ra, không cho thỏa mãn, thị dục lại sui lý trí tìm những lý sự, những chứng cứ, đàn áp lẽ phải ấy đi.

Thử lấy ái tình làm thí dụ. Khi ái tình đun dúi lòng ai, nó tìm cách chần áp được hết những lẽ phải nào đi ngược lại lòng muốn của trái tim. Bởi vậy có người đã nói: trái tim có những lý giải mà lý trí không thể biết.

Một thí dụ nữa. Kẻ hút thuốc phiện, khi chưa mắc nghiện, há không biết thuốc phiện là hại đâu! Họ biết rành rọt rằng thuốc phiện là thuốc độc, không

những hại cho thân thể, còn hại đến cả nhân cách, hơn nữa, hại đến gia đình, đến chủng tộc. Họ biết thế, nhưng mỗi khi nằm bên khay đèn, cái không khí êm ấm gây ra bởi ngọn pha lê dịu dàng, sẽ khiến cho họ nhiều lẽ khuyển họ nên làm bạn với phù dung: vài điều không hại gì, có khi lại ích cho sức khỏe, hút vào thì thức khuya đỡ mệt, và nghĩ ra nhiều tư tưởng lạ, tính ra nhiều mưu kế hay...

Đều là những cách mình tự dối mình.

Mình tự dối mình, không đâu bằng trong trường chánh trị.

Trong trường chánh trị, khi có người xuống ra ý kiến hay, xét ra hữu ích cho nước, nhà chánh trị cũng phải cho ý kiến ấy là dở, nếu nó không hợp với chánh đảng mình. Đã là người của đảng, thì

không thể nhận được một điều phải của bên địch, không thể chê được một điều trái mà đảng mình làm ra.

Trong những buổi thiệt chiến hùng hồn, trong những thiên bút chiến mãnh liệt, trong những đoạn diễn văn bóng bẩy, trong những phòng tiếp khách tưng bừng, thử hỏi đâu là chân lý?

*

Đâu là chân lý?

Cõi đời mênh mông, lòng người ngùn ngụt, biết rằng chân lý ở đâu!

Song xã hội đã không đặt nền trên chân lý được, cũng phải dựa vào một vài điều hay lẽ phải, mới có thể lâu bền. Vì người ta muốn chung đụng với nhau mà sống cho dài, cho yên, tất phải đặt ra những điều mình cho là hay là phải, để

khiến ai nấy cùng vui lòng theo đẩy mà sống, và sinh đẻ, cùng gia sức chiến đấu với những trở lực gặp thấy hằng ngày...

Những điều hay lẽ phải ấy, như luân lý, luật pháp, đều là nền tảng của xã hội.

Bởi thế, ai nấy đều phải coi luân lý, luật pháp, là những điều hay lẽ phải đáng cho mọi người tin theo. Dù biết rằng cũng có điều chưa ắt là hay là phải, có điều trái hẳn lại cái hay cái phải, cũng phải buộc lòng tin. Người cầm quyền cho xã hội nhủ ta, bắt ta, phải tin, vì ta có tin, xã hội mới sinh tồn.

Pascal nói: “Không nên nói cho dân biết rằng luật pháp là không công bằng”. Luật pháp thì sao cho công bằng được. Luật pháp là tự người đặt ra, công bằng là điều người không nghĩ nổi: lòng thị dục còn làm mờ tâm trí, luật pháp chẳng

qua là lẽ phải của sức mạnh. Biết vậy, biết rằng lẽ phải ở miệng sư tử chứ không ở sừng con dê, nhưng bốn phận kẻ làm dân vẫn phải vâng theo luật pháp, vì luật pháp đặt ra... cốt để cho dân theo!

“Không nên nói cho dân biết rằng dân phải tin địa ngục là có”. Không nên nói cho dân biết thế. Phải quả quyết rằng địa ngục hiện có ở dưới vùng đất đen, lúc nào cũng sung sục vạc dầu, phải quả quyết thế, thiện ác mới rõ rệt, người ta mới uốn nắn hành vi.

Vì cho dân biết, rằng các điều hay lẽ phải kia rút lại chỉ là những mưu mô đặt ra để chặn dắt đàn người cho thuận tiện, biết rõ thế dân còn tin gì được nữa: luân lý, luật pháp, người ta sẽ không lắng lắng mà nghe, bấy giờ xã hội còn yên sao được với năm giường ba mối!

Trò dối diễn trên sân khấu, người đóng trò tự dối mình trước để cho tin là thật, khách ngồi xem cũng tự dối mình để tin cho là thật. Rồi dối quá hóa thật, khách ngồi xem tưởng thật, người đóng trò cũng đặt mình vào cõi thật, sự thật rốt lại chỉ là ở trong chỗ dối.

Người ta đã ví mãi cuộc đời như một tấn tuồng: đối cảnh thay trò, bày bày xóa xóa, trước sau chỉ là biến hiện trong hai cõi thật dối, thật ở trong dối, dối trong cõi thật.

Thiết nghĩ cuộc đời sở dĩ giống như một tấn tuồng, là bởi trong tấn tuồng cũng như trong cuộc đời, cái nghệ thuật cốt ở chỗ biết rằng dối mà cứ tin là thật, đem sự dối điểm tô cho giống in như thật.

Bạc danh nhân được quốc dân tín nhiệm, vị chân tu đứng làm hiện thân cho đạo đức, kẻ hùng biện đem lâu đài hứa với mọi người, nhà văn sĩ ngồi kể chuyện mình trên mặt giấy, khách đa tình mài lệ chép thư, đều là những người đã luyện được nghệ thuật đến độ cao cường...

*Vốc hạt giống ném tung ra
trước gió, phụ bạc thay nghề
cầm bút chỉ sẵn công gieo!*

Hoàng Tích CHU

Muôn việc ở đời chia nhau ra
làm, thì việc khó, duy tay thợ
giỏi mới làm xong. Lẽ tất nhiên phải như
thế. Cho nên càng đảm đang bao nhiêu,
càng phải khó nhọc, dường như đó là
cái phần định sẵn. Có ngu si mới được
hưởng thái bình!

Những người khó nhọc có được đến
công không?

Ít khi.

Mà có được, chẳng qua xã hội đền bằng chút danh hờ, luân lý đền bằng mấy lời răn cao thượng: hy sinh là nghĩa lớn...

Xưa nay những kẻ hy sinh được người ta biết đến, đều là vào lúc đã thành xương khô mả nát. Còn ganh đua vật lộn ở đời, dù hy sinh đáng mấy cũng chẳng ai ơn. Vì sự hy sinh ấy có mấy ai chịu nhận ra đâu: người ta cho mọi việc làm đều bởi hiếu danh hay cần sống mà làm. Rồi lòng tự ái thêm vào nữa, ai chịu khen ai, ai chịu nhận ơn ai bao giờ.

Trong một vở kịch của Labiche, có một đoạn tâm lý rất là khám phá. Hai người tranh nhau lấy con gái một ông già: một người gia công làm ơn cho ông già, giúp việc này, hộ việc kia; một người chỉ để ông già làm ơn cho mình. Ông già

rồi tất nhiên gả con cho người chịu ơn mình: trông thấy người đã làm ơn cho mình, lòng tự ái khiến ông ta khó chịu, âu là làm một ơn nữa cho kẻ nợ mình kia, ắt nó phải khúm núm với mình hoài!

Làm ơn hay chịu ơn? Làm người có nợ nhiều khi hơn là làm chủ nợ...

*

“Có nhiều cái ơn người ta phải trả bằng sự vô ơn”, ấy là câu một tay chánh khách đã nói trắng ra để cãi tội vô ơn của mình. Ấy cũng lại là một lời thú thật đúng với tâm lý.

Vì có nhiều cái ơn mà dù biết ơn đến đâu, người ta cũng không thể nào trả được cho khỏi thiệt tới riêng mình.

Những sự báo đền to tát đều là việc của kẻ biết chịu thiệt, biết quên mình,

nghĩa là của những người hiếm có. Còn đối với người thường, sống là phải quên ơn.

Ơn nào cho tây ơn mẹ cha? Mặc dầu luân lý khuyên răn, kẻ làm con vẫn phụ luân... Nhất là vào buổi cá nhân này, muốn đủ ăn đủ mặc, đủ tự do, thì ơn trời bể kia có khi không đến được chút nào.

Ơn nào bằng ơn những bậc huân thần nằm gai nếm mật để lập nên xã tắc? Một khi bình trị, bậc huân thần là người bị rẻ rúng, bị giết hại trước tiên, cho khỏi lo sau. Công lao của bậc ấy quá to, có thể một ngày kia đáng chí tôn lấy làm nghi ngại.

Còn ai nặng ơn với ta hơn những người đã cứu giúp ta ra khỏi vòng nghèo đói tối tăm? Ấy vậy mà khi trở nên sang giàu danh tiếng, ta quên những bậc ân

nhân ấy, vì nhắc đến họ, tức là nhắc đến buổi hàn vi của ta, cái buổi âm thầm lam lũ mà bây giờ ta muốn quên đi, và không cho ai biết tới. Lấy câu vận mệnh khuây dần...

Có kẻ khi rủng rỉnh bạc tiền, hàng trăm người theo sau mà xưng tụng công đức tài hoa. Đến khi thất cơ lỡ vận, cả trăm người đều lảng tránh. Như thế đã đành là họ vô ơn, nhưng họ lại nghĩ rằng họ chẳng hề chịu ơn ai bao giờ. Họ nói: chẳng qua khi ta có tiền, ta muốn cầu vui thì họ làm vui cho ta; ta muốn có tài đức thì họ đem tài đức đến tặng ta. Đến khi hết tiền, chưa chắc họ đã là chịu ơn ta, hay chính ta mới là người mang ơn của họ...

Ta phải nhận rằng cái luận điệu này nhiều khi không xa sự thật mấy chút.

Cho nên nói chuyện ơn huệ ở đời là làm một sự chẳng nên, một điều không lịch thiệp.

Có lẽ chỉ làm rác tai những kẻ chịu ơn, mà không khiến họ biết ơn thêm chút nào.

Một bữa kia ở Athènes, một anh hàng thịt đương chặt khúc chân giò, suýt nữa chặt phải ngón tay mình, may có người hàng xóm đứng bên đỡ được con dao, nên không việc gì. Mấy hôm sau, hôm nào người hàng xóm đi qua cửa cũng nói:

– Bác nhĩ, lúc ấy giá không có tôi thì mất ngón tay rồi, còn làm ăn gì nữa!

Người hàng xóm cứ nhai nhải thế mãi. Anh hàng thịt rồi xử trí ra sao? Anh ta gọi người này lại, đưa cho con dao mà bảo:

– Đây, tay tôi đấy, bác chặt đi cho rảnh, từ rầy đừng làm cho tôi khó chịu nữa!

*

Ai muốn sống thế nào, tưởng nên tùy cái thích của mình.

Thích coi tiền bạc như bùn đất, đem tung nó ra để nhìn lũ người tranh giành nhau, hay thích dùm giúp mọi người trong lúc khó khăn, hoặc lại thích sống riêng một mình, không thương ai, không tử tế với ai, nào có ai ngăn cấm được ai! Chỉ nên nhận rằng mình không có làm ơn gì cho ai, sẽ khỏi phải phàn nàn ai vô ơn với mình. Đừng bắt chước người xưa mà nói một cách cao thượng: “làm ơn không cầu báo”.

Có cầu cũng chẳng được nào!

Thế mà im chẳng dài dang

Truyện KIỀU

Có người lúc đêm thanh đứng trước đại dương, nghe sóng gió hòa thành khúc nhạc bi tráng, lại như lấy làm tiếc rằng trời không cho mình thêm giác quan để nghe thấy hết được mọi tiếng kêu của muôn vật rải rác trong vũ trụ bao la, xem cái tài huyền diệu của hóa công còn phải nên khúc nhạc bi tráng hơn nữa đến chừng nào.

Khúc nhạc của hóa công tưởng chẳng cần thêm giác quan cũng có thể nghe

thấy được: ta nghe thấy ở trong khoảng im lìm của vũ trụ.

Cây đàn tì khi nghe lắng bên sông,
với khi buông bắt bên thuyền Tư Mã,
nghe như:

Trong hoa oanh ríu rít nhau

Nước tuôn róc rách chảy mau xuống
ghềnh

Nhưng đến khi ngừng lại, thì:

Âm thầm đau giận ngán ngo,

So ra lặng lẽ, bấy giờ càng hay!

Cái lặng lẽ này như có bao nhiêu
tiếng cười tiếng khóc, tiếng nỉ non thánh
thót, cùng ẩn cả bên trong, khiến người
ta lắng tai nghe mà cảm thấy có một cõi
mênh mông, man mác hơn cả cái thế
giới ồn ào...

Những lực lượng mạnh lớn ở trong
tiếng động cũng nhiều, nhưng thường
không mạnh, không lớn, bằng những
lực lượng tiềm tàng ở nơi yên lặng.

Chị Hằng chỉ thín thít cung mây, mà
khiến cho sóng đại dương quần quai.
Mặt trường giang kia phẳng lặng, mà
dưới đáy, luồng sóng vẫn cuộn cuộn như
sôi.

Những kẻ gào to hét lớn, âm ỉ cả
vùng trời, chắc đâu ích cho xã hội hơn
người bình dân ngày nào cũng lặng lặng
cấy lúa dệt áo cho đồng bào.

Tiếng kêu như lệnh của Trương Phi
chịu sao nổi một nụ cười của Gia Cát.

Những kẻ chau mày nghiêng rặng, vẫn không đáng sợ bằng người “im chẳng đãi đàng”...

Cho nên, chớ thấy lặng im mà tưởng là không có gì.

Những trận vui mừng, cũng như những cơn sầu khổ, càng lớn bao nhiêu, lại càng ngấm ngấm, lặng lẽ. Cái đau yên lặng là cái đau rút thịt, cái sướng thốn thức là cái sướng run người.

Ái tình khi mới nhóm môi thì miệng lười văn hoa. Khi tấm yêu thật nồng nàn chan chứa, lứa đôi thấy như nghẹn ngào nói chẳng ra lời.

Nhiều khi yên lặng còn là một cách ôm kín nỗi lòng: gặp trường hợp khó khăn, không giải hết được với mọi người,

cũng không giải riêng được với ai, đành phải “nỗi lòng kín chẳng ai hay”, chịu cho đau thương cắn rứt trong yên lặng như một vết rạn nhăm dần... Thấy vết rạn li ti, ai ngờ đâu bình kia đã vỡ!

Ở đời nếu việc nào cũng bày tỏ được hết khúc ruột, có lẽ không còn ai mang hận. Khốn thay, biết bao nông nỗi khổ vì không có lối bày ra!

Không có lối bày ra, nên sự hiểu lầm vẫn dễ. Không ngờ được tâm can với bạn, bạn sẽ tưởng ngay đến những tội lỗi, những phụ bạc có lẽ ta đã làm. Rồi bạn cũng không muốn ngỏ mối ngờ ấy ra: nhiều khi vì thế mà một khối hận kết lại thành hai. Âm thầm đau giận ngằn ngơ, hai khối hận trĩu trong yên lặng.

Nếu ai cũng biết thể cái yên lặng này
là một mối đau thương ngấm ngấm, hẳn
chẳng còn nay hờn mai giận, sâu sâu tủi
tủi vô vàng tấm yêu...

*Chỉ sống thôi, cũng
không phải là vô tội*

Theo A. France

Những người đạo đức thường khuyên ta thương hết mọi loài.

Thương tất cả thiên hạ, đừng hại ai lấy mảy may, ai chẳng mong làm được như thế. Nhưng có thể làm thế được không?

Ví có một ngày, trong thế giới ai cũng có lòng đại từ đại bi.

Hàng thợ may, thợ mũ, thợ giày, sẽ đóng cửa hết, vì nhà thuộc da, nhà làm lông cừu, không ai còn nỡ hại đến sinh mệnh một con vật.

Bấy giờ chúng ta đừng nên nghĩ đến việc ăn thịt nữa: trong lò sát sinh, không có ai đang tâm đem lợn bò đến giết. Chúng ta sẽ là “quân tử” đúng như lời thánh dạy, vì không còn ai lui tới nơi bếp nước nữa làm gì.

Hay là ăn trứng? Trứng là con gà con sắp nở ra, càng không nên hại. Uống sữa cũng không được: ai lại uống tranh phần của lũ bê con! Ăn rau càng không đành: luộc rau đi, sẽ chết bao nhiêu triệu vi trùng sống trên lá rau.

Nhà què rồi bỏ việc đi cày: mỗi nhát lưỡi cày làm chết cơ man là giun với kiến.

Sẽ không còn ai làm quan, đi buôn, hay học hành thi cử gì nữa. Làm quan phải trừng phạt, đi buôn phải lừa dối, đi thi phải tranh giành: việc nào cũng có thể làm cho người khác thiệt.

Thể thao cũng hết người hâm mộ. Trong cuộc chiến đấu nào cũng tất có bên thua.

Ái tình chẳng ai mê mẩn nữa. Yêu nhau phải lừa dối nhau.

Đến việc lấy nhau, người ta cũng không bụng nào mà nghĩ đến, vì quả như lời Balzac, hôn nhân như một vụ kiện, thế nào sau cũng có một bên không hài lòng.

Loài người lúc ấy vừa buồn vừa đói, sẽ chết lả dần dần.

Chẳng bao lâu, thế giới chỉ còn là cõi không người.

Không người, vì người ta đã quá thương nhau.

*

Phải nên nhận rằng có hại nhau mới sống được.

Sự phá hoại bao giờ cũng đi trước việc kiến thiết.

Ta phá hoại muôn loài để nuôi cái sống của ta.

Ta phá hoại muôn loài để tô điểm cho cuộc đời ta ngày thêm rực rỡ.

Bao nhiêu điều văn minh bày đặt ra, bao nhiêu trang hiển hách của lịch sử,

bao nhiêu công cuộc mà loài người lấy làm ngạo nghễ với vũ trụ, đều phải đặt nền trên sự phá hoại.

Phải giết đã rồi mới sinh sau.

Cuộc đời tốt đẹp đến đâu, cũng là sống trên đồng xương vô định...

*

Đồng xương vô định đã cao bằng đầu, ngay từ lúc loài vật nảy ra hàm răng. Allendy nói: “Hàm răng mọc ra là thấy ngay sự thật ghê gớm của cuộc đời, các loài xâu xé nhau không ngừng. Tất cả động vật đều phải chịu chung cái luật nghiệt ngã là có ăn giống sinh vật thì mới sống được, nên đều kiếm lấy khí giới mà tranh đấu. Từ cái móc của con giun đến cái ngà con voi, qua cái càng con bọ

hay con cua đến cái mỏ con chim, cái đồ dùng để nhai thức ăn đều hóa thành thứ khí giới để đánh nhau hay để giữ mình.»

Đành rằng loài vật chỉ sống bằng sinh vật, Allendy còn thấy điều tàn khốc hơn nữa là cái môi sống ấy phải tranh giành của đồng loại, và khi tìm môi không thấy, sự đói còn bắt xâu xé cả đồng loại nữa, không từ.

Gọi là giết hay phá hoại, cũng như Liệt tử gọi là ăn trộm.

Sách Liệt tử chép chuyện họ Quốc ở nước Tề giàu to, họ Hưởng ở nước Tống rất nghèo. Một ngày kia, họ Hưởng tìm đến nhà họ Quốc, hỏi về cách làm giàu. Họ Quốc nói:

– Tôi tài ăn trộm. Ban đầu tôi ăn trộm, một năm còn vừa, hai năm thì đủ,

đến năm thứ ba khá to. Từ đó trở đi, tôi bổ thí rộng khắp trong làng trong quận.

Họ Hương mừng, về giờ ngay nghề ăn trộm: đào tường, khoét vách, tay đụng gì, mắt thấy gì, cũng vơ lấy hết. Sau bị làng bắt nộp quan, quan cho tịch biên hết gia tài, mấy miếng đất ông cha để lại cũng không còn mà ở.

Họ Hương trở sang nước Tề trách họ Quốc. Nghe rõ đầu đuôi họ Quốc đáp:

– Chao ôi, bác không biết cái đạo ăn trộm đến thế ư? Tôi xin giảng cho bác rõ. Tôi nghe trời có thời tiết, đất có hoa lợi. Tôi lấy trộm hoa lợi và thời tiết của trời đất, lấy trộm ơn nhuần gội của mây mưa, lấy trộm sức sản dục của ruộng đất, để trồng cây, đắp tường, xây nhà. Trên đất tôi lấy trộm cầm thú, dưới nước tôi lấy trộm cá tôm. Lúa má, cây cỏ, cầm thú,

tôm cá, đều là của trời sinh chứ tôi đâu có. Bởi tôi ăn trộm của trời, nên không có tội.

Họ Hương không tin lời họ Quốc là phải, bèn tìm đến hỏi thầy Đông quách. Thầy dạy:

– Chính ngay cái thân hình của người đó, chẳng phải lấy trộm mà có ư? Lấy trộm hòa khí âm dương để thành ra sự sống của người, che chở cái xác thịt người. Trời đất, muôn vật, không cùng lìa cách nhau, ai coi là của mình riêng có, đều là sai lầm hết cả.

*

“Ai coi là của mình riêng có, đều là sai lầm hết cả”, lời triết nhân khám phá vậy thay! Tiếc thay, lẽ sống lại sui người ta chỉ muốn có lấy riêng mình.

Muốn có lấy riêng mình, nên hay đi chiếm đoạt. Muốn chiếm đoạt phải phá hoại, phải giết, phải ăn trộm.

Cho nên dù Liệt tử bảo ăn trộm của trời đất không có tội mặc lòng, nhiều tâm hồn đứng trước cái luật giết phá ấy, cũng thấy như hãi hùng ghê tởm. Ấy là những tâm hồn chuộng – và tin – sự thanh cao, sự công bằng.

Bước chân vào cuộc đời, giành lấy phận sự giết phá và ăn trộm, giết phá và ăn trộm chỉ cốt để mưu lấy một cái sống tầm thường ngày hai bữa, “nợ áo cơm phải trả đến hình hài”, thế chẳng là làm một việc hèn hạ để đạt tới cái đích hèn hạ đó sao!

Nhiều bạn thanh niên ta như sợ sự sinh hoạt là vì thế. Sợ nữa, vì ta quá thật thà. Ta nghĩ rằng việc làm không thể

biết trước được rồi thành hay bại: thành bại còn ở trong chìa khóa của tương lai. Không biết rằng làm rồi có thành không, nên không dám làm, không dám đương cái trách nhiệm của việc làm. Ví cứ nhắm mắt bước đi, không ngại gì khó khăn, không sợ gì thương tổn, định ninh trong dạ rằng tương lai sẽ chẳng phụ mình, há chẳng là đem tâm lương đảo? Đem cầm cố cái tương lai để làm việc hiện tại, cũng như đem cầm cố nhà đất để lấy tiền buôn. Nhưng người cầm nhà đất là vì có nhà đất đem cầm; kẻ cầm tương lai là cầm một vật mình chưa có, – có thể coi như là không có...

Thấy mình chưa chắc có điều gì thì không dám hứa, ấy là bụng quá thật thà của thanh niên. Không nói gì đến công nghiệp hãy thí dụ như trong sự hôn nhân: vì quá thật thà, vì không dám hứa, nhiều

người không dám lấy vợ khi chưa chắc mình có thể đem hạnh phúc đến cho gia đình.

Bằng nay bốn bể không nhà

Theo càng thêm bận, biết là đi đâu!

Nay cứ thử đi liều, thử không thật thà một phen, thử lường đảo một lần, nếu được tương lai đền đáp cho, khó gì không nên công nghiệp. Anh hùng làm nên việc lớn, chẳng qua đã cầm liều tương lai mà sau lại được tương lai về mình.

*

Người ta thường nói: “Ở đời phải từng trải”. Có lẽ chẳng là bước vào đời, phải cố dấn chân làm một việc gian lận đầu tiên, cho quen gót sau này. Càng trải

bao nhiêu, lại càng gian lận thêm mãi. Sự gian lận sau dần thành thói quen, không mấy ai còn nhận ra nó là gian lận nữa.

Có lắm người khi lương tâm còn trong sạch thì ý nghĩ thanh cao, đến khi trải qua sự gian lận rồi, nhìn quay trở lại, như lấy làm lạ rằng sao trước mình lại có những ý nghĩ ấy, những ý nghĩ mà nay mình coi là ngây thơ, nghĩa là khờ dại.

Họ hiểu lắm rằng “khôn” cùng một nghĩa với “phải”.

Đời đã dạy họ nên “khôn” chứ không nên “phải”.

*

Đôi khi ta còn gặp thấy được người đã gian lận và nhớ là mình gian lận, lại

ngậm ngùi rằng đã bỏ trên ngưỡng cửa cuộc đời bao nhiêu đức thật thà thanh cao.

Khi chưa bước vào cuộc ganh đua, người ta còn ở buổi ngày xanh, là buổi không màng đến lợi, chỉ hoài bão những điều lớn lao to tát, nuôi những lý tưởng đẹp như sao băng, cái đẹp lấp lánh và lắt lơ... Trong buổi ấy, độ lượng rộng, tính tình hào, hễ gặp điều gì có danh nghĩa đáng trọng là mê say, thấy điều gì có hình dáng đáng thương là tha thứ, tiền của coi như bùn rác, ân nghĩa trọng như non cao: một tấm lòng son giải với đời.

Rồi ra, ái tình, bằng hữu, nghĩa vụ, tự do, nghĩa tương lân, lòng kiêu ái, bấy nhiêu danh từ xán lạn sẽ lần lượt mờ mắt cho thiếu niên, cho biết rằng đó chỉ là thứ áo tơ che đậy cái thân bù dìn.

Đến lúc biết thân bù dìn chỉ có giá vì manh áo phủ, thiếu niên phải qua trường thử thách của thời gian, thì thiếu niên lại hết là thiếu niên mất rồi.

Nên vui hay buồn?

Vui vì mình đã từng trải, đã biết suy hơn quản thiệt, hay nên buồn vì mình không còn nghĩ được đến điều cao xa?

Hỡi ai nặng lời với thiếu niên! Nếu ngó lại trong tâm khảm, ắt phải nhận rằng những lỗi buộc cho thiếu niên đều là phạm bởi tấm lòng quảng đại và trong sạch thiếu niên. Bấy giờ, có lẽ lại phải băn khoăn rằng buổi thiếu niên của mình sao không có thật nhiều lầm lỗi!

Raymond Poincaré nói: “Thiếu niên là một bệnh mà mỗi ngày chữa khỏi được một ít”. Mỗi ngày trải qua, trường đời lại

dạy cho ta một khoe khôn, đến khi khỏi được bệnh ngày thơ, thì buổi ngày thơ cũng hết; buổi ngày thơ có hết, mới hết được bệnh ngày thơ.

Vậy thì lỗi ngày xanh là lỗi tất nhiên phải có của thiếu niên. Lỗi ấy tưởng không nên trách, và cũng không nên mong cho thiếu niên sửa đổi ngay trong buổi ngày xanh được.

Không nên trách những lỗi tự lòng cao thượng mà ra, lại không nên trách cả những lỗi vì ngu dốt mà có nữa. Hằng hái bước vào trường tranh đấu, những tưởng sức mình là mạnh, thiếu niên dương dương tự đắc, chẳng coi ai ra gì. Giật được mảnh bằng, chiếm được một vị trí trong xã hội, nhờ giàu sang của ông cha mà ăn hoang mặc rộng, vung vỉnh tự coi như thần thánh...

Ngày xanh là ngày chưa chín, trẻ thơ nào đã biết gì!

*

Bước vào đời, phải vật lộn, phải cạnh tranh, bấy giờ ý nghĩ tự nhiên thay đổi đi hết.

Câu “khôn không qua lỗ, khỏe không qua lời” sẽ thành một câu ngờ nghếch, chỉ có kẻ khờ dại mới tin là phải. Muốn sống, phải mạnh dè yếu, lớn nuốt bé, không có lời lẽ gì cả. Ai muốn có một chỗ ngồi dưới ánh sáng mặt trời, đều phải đem hết tâm trí bấp thệ, ra mà ganh đua, chống chọi, giết chóc, tàn phá, chen lũng đấu cật với muôn ngàn người, mỗi giờ mỗi phút tìm cách tranh cướp của nhau từng li từng tí, để nuôi sống lấy mình, không thể cứ ngồi xuống mà vui thú với gió mây, lót lòng bằng đạo đức...

Những thứ ăn mặc vào người còn phải trả tiền, những thứ tổng khử ở người ra cũng phải thuê tiền, có thể nào khinh tiền được đâu. Mà kiếm ra tiền phải đâu là chuyện dễ!

Khinh tiền, duy chỉ có thằng Bờm ngồi phe phẩy quạt mo. Nhưng khi đổi được quạt mo lấy năm xôi, Bờm lại ừ ngay: nó chẳng biết giá quạt mo quý là nhường nào. Ao ước cái quạt mo, biết giá của nó, lại là những bậc phú ông...

Thầy Khổng dạy: “Người quân tử không tranh nhau, có tranh nữa thì cũng tranh như khi thi bắn”. Ngày xưa ở nước thầy, thi bắn là xếp hàng ba cùng tiến lên, ai bắn trúng cũng còn quay lại vái kẻ bắn trượt ba lần đã, rồi sau mới lui xuống. Có văn phép như thế, mới đúng là lối tranh của người quân tử. Phong nhã lắm thay!

Thử hỏi ở buổi này, gặp được món hàng tốt, chạy được chân làm có lương, có ai còn phong nhã mà vòng tay lại vái bạn bè và cung kính mời nhau như trong bữa tiệc: “Rước ngài!”

Ở trường đua ngựa, hễ hỏi được mảnh khoé hay – chưa chắc đã được, chỉ mới có hy vọng được mà thôi – người ta đã vội lánh hết mọi câu hỏi thóc mách của bà con quen thuộc, hay là trả lời mách bảo sai đi, rồi len lén một mình, vẻ mặt bí hiểm như một người đương âm mưu làm phản.

Tranh ư? Tranh thì tất phải võ đầu sát tai.

Sống trong đám đông này, chẳng khác nào kẻ bị vây ở giữa trận. Muốn vạch lấy một đường thoát thân, con đường ấy tất phải là “huyết lộ”, ngổn ngang những thù

địch mà ta phải chém không ngừng tay.

Quanh mình toàn nhơ bẩn, làm thế nào cho ra một người trong sạch bây giờ!

*

Nói thế không khỏi có người cho là bi quan.

Đời đã nhơ bẩn đến thế ư? Ở đời há lại không có được một đôi người trước sau gìn giữ tấm lòng son.

Than ôi, tấm lòng son kia, chỉ thấy có trong lời thề của trai gái, hay của những kẻ gian dối muốn đánh lừa quần chúng, hoặc là chỉ thấy có trong câu thơ vợ vắn của mấy nhà thi sĩ ngẩn ngơ trong giấc mộng mà thôi.

Còn trên đường đời, mỗi bước lại đề lên một lớp nhơ.

Này những bà những cô mà mỗi cái áo, mỗi đôi giày, mỗi tờ giấy bạc bỏ ra trong đám chăn, là một cái dấu hỏi chỉ tìm thấy câu đáp trong tấm thân “đều, trắng, mịn”. Biết bao người học thức phải ly dị với lý tưởng mình để đem tài trí đi thờ những quyền lợi tanh hôi. Biết bao gái đã lên bà, biết bao phường gian tế trong trường phú quý, biết bao cái bề ngoài hào nhoáng mà bên trong nhơm nhếch ghê người!

Ta thường gặp thấy những cặp vợ chồng giữ miếng với nhau như hai người đồ vật, những anh em ruột thịt chỉ rình nhau hể hở cơ thì nuốt chửng không thương.

Cái thảm kịch bố con, không thấy đó sao? Bố cho con ra đời, con lại muốn bỏ rời khỏi cuộc đời; bố nuôi con trăm cay

ngàn đấng, con nuôi bố thì gặt gồng cầu nhàu.

Càng phong lưu phú quý, càng được che chở nể vì, càng phong lưu phú quý, lại càng hà hiếp bọn đàn em. Phải dùng cái khổ của người mới tạo nên cái sướng của mình.

Người ta đối đãi với nhau tàn khốc như thế, có phải tự ý mình muốn thế đâu. Chẳng qua tự cái dạ dày áp bách, thêm có hàm răng giúp vào sự áp bách ấy một tính cách ác liệt. Mỗi dã tâm chiếm đoạt và lòng thù ghét đồng loại do đó mà biến thành lệ chung của sự sống còn.

Sống còn được thân mình thì cha mẹ, vợ con, bè bạn, người cùng một bọc cũng như người khác màu da, đều là kẻ thù hết cả.

Đành rằng lúc bước vào đời, ai cũng như Jean-Jacques Rousseau, tức đầy ruột vì những điều bất bình của xã ước. Tức là tức vậy, nhưng rồi ai cũng đến như ai, cũng bất công, cũng gian ác, cũng bội bạc, cũng nhẫn tâm, chỉ vì một lẽ sống còn.

Người ta thường chia ra có cuộc sống văn minh, có cuộc sống dã man. Cuộc sống văn minh với cuộc sống dã man rút lại cùng là theo đuổi một mục đích: thỏa mãn cái lòng dục ti tiện. Nhưng, áo văn minh là một thứ áo lộng lẫy, không rách bươm như áo dã man, vì thế mà ta thấy nhiều người lấy làm vinh hạnh rằng mình văn minh...

*Văn minh làm cho thân thể
được đảm bảo chắc chắn hơn xưa,
nhưng linh hồn thì lại ốm yếu đi.*

TAINE

Các báo đăng rằng vùng kia, có người vừa chế ra được một cái guồng máy tát nước rất thần hiệu, có thể giúp cho nông dân làm việc đỡ phải tốn nhiều công phu.

Ở một nước ít sáng tác và đương cần máy móc như nước ta, một cái máy mới chế ra, dù không được tinh xảo, nhưng gọi là giúp cho mình tiến bộ, kể đã là

một sự đáng mừng.

Phương chi cái máy này lại thần hiệu!

Làn sóng Âu hóa đương tràn lan dữ dội, đi đến đâu cũng cuốn trôi hết nền xưa nếp cũ, cả thế giới đều không chống lại được, nước ta không thể không theo.

Nữa là ta lại có người dìu dắt cho theo!

Nước ta được văn minh thái tây dùng tiền tệ, bưu chính, học chính, tư pháp, mà gây dựng cho một cách tổ chức xã hội mới mẻ, khiến phong tục và tập quán cũ thay đổi đi hồ hết. Những sự tiện lợi con con về vật chất chẳng bao lâu đã thành vật thiết dụng hằng ngày cho mọi người.

Sự đổi mới về vật chất đi trước sự cải cách về tinh thần. Vì sự cải cách về tinh thần còn bị trở ngại bởi sức mạnh của

những thành kiến đã lâu đời, không mỗi chốc phá đi hết được. Tuy thế mà sự cải cách ấy cũng đã hiển nhiên rồi: những sự cần dùng về vật chất càng thêm ra, nền kinh tế tất nhiên phải sửa lại, mà do đó, quan niệm về cuộc đời cũng đổi đi.

Bây giờ thì ảnh hưởng Âu hóa đã thấy rõ ở bề mặt: cách ăn ở, nhà cửa, quần áo, tiếng nói... còn trong lòng, từ sự hâm mộ đến sự phản đối, đều có cả.

Cuộc Âu hóa đã là việc tất nhiên, lại là điều cấp bách nữa.

Văn minh Âu châu rèn đúc bao năm mới có, ta hóa theo, phải nhảy từng bước dài. Cho nên có thể nói rằng cuộc Âu hóa của ta không phải là một cuộc tiến hóa có trật tự, chính là một cuộc cách mạng, cách mạng về chánh trị, về kinh tế, về xã hội, cả về tôn giáo.

Thế thì cái nhiệm vụ lớn của mọi người là gì?

Há chẳng phải là gia sức gom góp vào công cuộc chung, để giúp cả dân tộc cùng đi gấp bước cho ăn vào nhịp tiến bộ của hoàn cầu!

*

Phải chi thầy Trang sống lại vào buổi này, thầy sẽ nghĩ sao?

Chắc thầy chẳng như chúng ta bỏ qua phương diện tinh thần và sẽ kể lại câu chuyện “Guồng máy tát nước” mà thầy từng gán cho Tử Cống.

“Khi Tử Cống sang chơi nước Nam sở, trở về qua đất Hán Âm, thấy một ông lão làm vườn đang múc từng gầu nước

ở giếng lên mà tưới vườn, dùng sức thật nhiều nhưng thu công rất ít. Tử Cống bảo ông lão:

– Đằng kia có cái máy tát nước một ngày tưới được hàng trăm luống, sao lão không dùng?

Ông lão trả lời:

– Ta nghe có mẹo khéo, thế hẳn có sinh ra việc khéo, có việc khéo rồi tất thành ra có óc khéo. Hễ óc khéo thì bụng sẽ không còn trong sạch, thần sinh không định, đường ngay không biết đi. Ta không phải không biết có máy mà dùng, chỉ vì thẹn nên không dùng đó thôi.

Tử Cống cáo từ, ngẩn ngơ không vui, đi khỏi ba mươi dặm mới quay lại bảo học trò:

– Thầy ta dạy rằng việc chỉ cầu cho xong, công chỉ cầu cho nên, dùng sức ít mà thu công nhiều, ấy là đạo của thánh nhân. Nay như ông lão làm vườn vừa nói thì lại khác hẳn: giữ được đạo thì đức vẹn, đức vẹn thì hình vẹn, hình vẹn thì thần khí vẹn, thế mới là hay. Người nào không đi trái đường mới là thuận bị. Còn như cầu công tìm lợi, dùng máy cho khéo léo, thì mất cả cái thật của lòng người...”

Đời này là đời máy móc. Trí não loài người mỗi ngày một thêm khôn khéo mãi ra. Ta chỉ thấy khôn khéo thì khen, hay đâu càng khôn khéo càng sinh ra trí trá giả dối, cái khôn khéo nhiều khi đã làm mất phần trong sạch trong lòng.

Mà cái phần mất đi ấy, thầy Trang trông thấy từ hai ngàn năm nay, khi chỉ

mới có cái guồng máy tát nước đơn sơ ở đất Hán Âm...

*

Cái họa máy móc còn thảm khốc cho loài người về nhiều phương diện nữa.

Trước hết nó đem lại cho ta một sự mệt nhọc rất chán chường.

Đời nọ qua đời kia, người ta tuy không làm nên được những sự xuất quỷ nhập thần như ngày nay, nhưng cũng đã hiểu ra lẽ âm dương, xây nên nền đạo đức, lại đúc ra đồ đồng, nặn ra đồ sứ, gây dựng những công trình vĩ đại ở La Mã, xây đắp Kim tự tháp, Vạn lý trường thành, viết nên bốn quyển kỳ thư lớn và biết bao nhiêu áng danh văn mà hậu thế hằng ngày đọc đọc ngâm ngâm.

Tuy cũng gọi là làm nên nhiều việc, và cũng khó nhọc cho thân thể không phải ít, nhưng phần tâm trí không thấy mệt mỏi và chán ngán.

Từ ngày văn minh Thái tây chế ra những máy móc tinh xảo, thế giới ồn ào loạn một quang cảnh khác hẳn khi xưa.

Máy móc bây giờ là những tên nô lệ khổng lồ chạy suốt ngày đêm, giúp người ta lội như cá, bay như chim, rút không gian lại, làm dài thời gian ra, lại còn nấu ăn, dệt áo, đóng giày, khâu mũ, cho khắp mọi hạng người, nhanh hơn ta gấp nghìn và không biết mệt mỏi.

Ngày nay loài người chỉ ngồi không mà sai khiến máy móc, không khó nhọc gì. Chẳng là sung sướng lắm sao?

Thế mà ngày nay ta lại khó nhọc hơn xưa.

Vì lúc nào ta cũng phải bận đến tâm trí và thân thể.

Máy móc khi đã thần phục ta rồi, lại “chài” lại cho ta một khóe hiểm độc: nó thổi những thị dục cháy bùng lên.

Được một muốn mười, ta mỗi ngày bắt máy móc sản thêm ra mãi.

Đã sản xuất, lẽ tự nhiên lại phải tìm phương tiêu thụ. Muốn cho tiêu thụ, ắt mỗi ngày phải bày thêm ra thật nhiều sự cần dùng để bó buộc mọi người.

Những thứ khi xưa coi là xa xỉ phẩm, giờ là vật cần đến hằng ngày, hơn cả cơm ăn. Người bình dân bây giờ tự phụng sang trọng hơn người quyền quý khi xưa – ấy là cái lợi của văn minh – nhưng cái sang trọng ấy lại nguy hiểm ở chỗ bỏ đi không được.

Rút lại, chúng ta cần dùng nhiều, cần phải tiêu thụ nhiều. Muốn tiêu thụ phải làm việc, làm việc để mà sản xuất. Quanh quẩn chỉ trong những việc phải làm, làm để mưu lấy những thứ cần dùng đáng ra không cần lắm.

Đã vậy, đã sống một cuộc đời bận bịu một cách vô nghĩa, lại còn vì máy móc phải chen chúc nhau ở nơi thành phố chật hẹp, thở không khí không tốt, ăn thức ăn không lành, khiến nên thân thể chóng hao mòn, tâm trí không mấy khi được thư thái.

Sức sản xuất càng tăng, sức tiêu thụ phải tăng theo. Nếu sự cung cầu không thăng bằng, máy móc phải nghỉ, luật phân công sẽ gây nên nạn thất nghiệp, là cái hố ghê gớm của sự nghèo khổ và bất lương.

Nạn thất nghiệp còn do sự tiến bộ của máy móc mà sinh ra nữa. Máy móc càng tinh xảo, càng ít cần đến nhân công. Những người xưa nay chỉ có sức khỏe để làm vốn, gặp phải buổi nhân công là vật thừa, còn biết đem vốn dùng vào đâu, mà chẳng đành nhập vào đội quân vô nghệ, và sa ngã vào những thói xấu của cuộc đời “vô công rồi nghệ”.

Cái hại này đã bù cái lợi kia chưa!

*

Làm việc bây giờ không phải là đem tài khéo, ý hay, chung đúc vào một việc xứng ý mình, hợp với tư cách mình, để mưu lấy cơm áo, và mưu lấy cái khoái lạc rất thanh cao là thấy mình làm nên việc, đạt tới ý.

Làm việc bây giờ là đem gân sức ra săn sóc cho máy móc, hoặc làm những công việc đã kê sẵn rồi, chỉ nhắm mắt theo, không được đổi thay, cũng không còn phải nghĩ ngợi gì, không phải dùng đến tâm trí nữa, ai nấy đều như bộ máy hễ đến giờ thì mở ra cho cùng chạy với các máy khác mà thôi.

Mà nào có riêng gì những nghề làm bằng máy! Ngay nghề làm bằng óc như nghề cầm bút, bây giờ cũng phải làm như máy. Không được nghĩ ngợi, không được rèn rũa, phải chia thời giờ ra mà tính rằng một ngày viết đủ bao nhiêu trang, mới kiếm được tiền mưu sống.

Một sự hại lớn của máy móc về tinh thần, là làm cho người ta mất dần hết bản ngã: sản xuất muốn mau và nhiều, tất phải theo vào một kiểu, khách tiêu thụ thành ra không ngờ mà bị bắt buộc

phải theo chung kiểu ấy. Giày mũ, xe cộ, nhà cửa, cho đến báo chí, sách vở tranh ảnh, âm nhạc... sản xuất phải cùng khuôn cho nhiều cho chóng, tiêu thụ cũng như nhau một loạt, cái bản ngã của từng người bị số đông tràn lấn, cả thế giới rồi thành như một người vô danh!

Trong buổi máy móc, không thể như ở trong nước thượng trí của Platon, mà có thể “đem bỏ tù những người dân mở hàng buôn bán, vì buôn bán là chỉ có đánh lừa với nói dối”.

Lại cũng không thể nghĩ được như triết nhân ấy rằng “trời đất không có sinh ra thợ giày hay thợ rèn”.

Văn minh đã gây ra những cái cần dùng, xã hội tất nhiên phải giải quyết luật cung cầu ấy.

Nhưng cái đặc sắc của văn minh là tuy vẫn có thể tự hào rằng đã nâng cao mức sống của quần chúng, mà thật ra thì hàng triệu người ngày ngày hao mòn tâm lực chỉ để làm nên giàu mạnh cho một số ít kẻ ngồi rồi.

Vẫn có câu khuyên của luân lý: “Có khó mới nên giàu”, một câu khuyên rất phải lẽ, song nếu hỏi nên giàu cho ai, ta lại phải trả lời rằng chỉ nên giàu cho bọn người khéo biết lợi dụng công khó nhọc của số đông.

Bọn này ngã nghiêng trong sự phí phao, lúc nào cũng lại thấy mệt nhọc, cần phải nghỉ ngơi: phải hóng gió núi, đi tắm biển...

Những người khó nhọc rồi không nhắm mắt nghe khuyên nữa. Họ thấy rằng kẻ ngồi rồi lúc nào cũng được nể

được bênh, còn họ thì có hé miệng xin gì, cũng bị hắt hủi ngay một cách tàn nhẫn. Chiến tuyến bèn hợp ra để bênh vực và phản đối.

Xã hội bỗng thành sôi nổi.

Cuộc phân tranh của hai giai cấp mỗi ngày một căng. Không khí bất hòa mỗi ngày một thêm nặng nề.

Chung quy chỉ vì máy móc thần hiệu quá.

Có thể nói rằng máy móc làm cho ta không bao giờ sướng bằng ngày nay, mà cũng không bao giờ khổ bằng ngày nay.

*

“Văn minh làm cho thân thể được đảm bảo chắc chắn hơn xưa” Taine nói thế là vì thấy văn minh quả có chăm chút

cho phần thân thể đỡ phải lo ngại như xưa.

Cách tổ chức của xã hội đã ngăn ngừa được nhiều sự hỗn độn, giặc cướp ít đi. Mất mùa không lo không có phương cứu cấp, đường giao thông thuận tiện. Những con vi trùng ghê gớm cũng không còn được tự do hoành hành, mỗi ngày một sự phát minh trong y giới lại bảo vệ thêm cho mạng người. Rất đổi là sa mạc, là rừng thiêng, nước độc, người ta đã tìm vào tận nơi, không còn sợ cái chết lẩn quất ở quanh mình.

Ấy vậy mà nào có sung sướng gì hơn trước! Vì, như Taine nói, linh hồn mỗi ngày một thêm ồm yếu.

Dục vọng mỗi ngày càng như lửa đốt: lòng dân thói kiêu, mối thù ghét, bụng tham tàn, thúc giục người ta đi cho

được đến cuộc thắng lợi, không kể gian nguy.

Nói riêng về nước ta, văn minh đã đem lại cho một xã hội giản dị sơ xài một nền hành chính và lập pháp phiền tạp, một nền học vấn chỉ vụ cách trí, một nền kinh tế đặt vào nơi kỹ nghệ thương mại còn trong thời kỳ thô lỗ. Thêm vào cuộc thay đổi ấy, còn sức phản động của đoàn dân vong bản...

Thành ra trong nước đầy những sự lăm lăm, hoài nghi, trái ngược. Mới đời trước đến đời sau mà cha không hiểu con, con không hiểu cha, quá khứ với hiện tại đua nhau xung đột trong óc mỗi người.

Cái kết quả gần nhất của Âu hóa là làm cho ta Tây chẳng ra Tây, Tàu chẳng ra Tàu, Ta cũng chẳng ra Ta.

Ta vì Âu hóa mà khinh bỉ và ruồng bỏ văn hóa cũ, lại đem những thứ không hợp thủy thổ mà bắt buộc nhau dùng. Có thể nói ta bây giờ là giống người du mục, không thuộc vào nước nào, vào văn minh nào, vào lịch sử nào.

Những sự ước vọng không bao giờ toại, những lý tưởng mơ hồ, đã làm hư nghĩa cuộc đời, đem cái hương hỏa của tinh thần thay bằng những sự viển vông.

Thật ra, ta phải nhận rằng văn minh cơ khí đã lôi ta ra khỏi giấc mộng li bì mà ném vào vòng thực tế tàn bạo. Những điều lợi mà phương Tây đem lại, ta trông thấy hằn hoi, nhưng lợi ấy lại đi đôi với những điều bó buộc mà ta lấy làm khó chịu vô cùng.

“Người là con vật ăn lúa và làm ruộng; chỉ có cày ruộng, ăn lúa, thỏa

mãn những sự cần dùng thiết yếu, mới là sống theo tự nhiên. Văn minh chẳng qua chỉ là cách sản ra những sự cần dùng phiền phức giả dối, để rồi lại nhọc công tìm đường thỏa mãn cho đến cùng” – câu này tưởng như tự một người phương Đông thốt ra. Ai ngờ lại ở ngòi bút Emile Faguet!

*Người ta chê sự bất công, không phải
vì sợ mình sẽ làm điều bất công,
chính là vì sợ mình sẽ phải
chịu những điều bất công.*

Theo PLATON

Mỗi khi có tai nạn xảy ra làm
khốn đốn một bọn người đang
ăn ở yên vui, nhà báo thường hô hào mở
cuộc lạc quyền, rồi ngày ngày đăng từng
cột dài tên tuổi những nhà từ thiện đã có
hăng tâm hăng sản với việc nghĩa.

Việc nghĩa! Cái chữ mới rộng nghĩa
làm sao! Thế nào là làm việc nghĩa?

Nhà viết báo cầm bút gọi lòng thương của quốc dân, mấy tay “tài tử” múa hát, thu tiền của khách đi xem, là làm việc nghĩa. Làm việc nghĩa, cô thiếu nữ phở xinh trong buổi chợ phiên, thầy lý trưởng phát hộ nắm cơm manh áo ngoài đình.

Làm việc nghĩa như thế là theo đúng lời khuyên của Tolstoi. Tolstoi, buổi nước Nga phải một vụ mất mùa, có nói:

Nên tỏ lòng thương đồng bào. Tỏ lòng thương cũng như cho bánh cho tiền, vì những kẻ cho bánh cho tiền vị tất đã là thật lòng thương kẻ khó!

Vậy thì đứng trước đám nạn dân đương khắc khoải kêu thương, ta há chẳng nên theo Tolstoi mà nói:

Thấy đồng bào gặp bước khốn cùng, chúng tôi thương lắm!

Nghĩa là ta sẽ theo như nhà viết báo, tay tài tử, cô thiếu nữ với thầy lý trên kia mà làm việc nghĩa.

Và như thế ta lại còn tỏ mình là xứng đáng làm bậc sĩ của Mạnh tử nữa. Mạnh tử từng bảo rằng: “không hăng sản mà có hăng tâm, duy kẻ sĩ mới thể được mà thôi”.

Còn thì ta sẽ khinh bỉ những người bỏ trăm ngàn ra bố thí cho nạn dân, vì ta cho họ là hám hư danh, chứ không thực lòng.

Người từ thiện, coi vậy, là người biết tỏ lòng thương đồng bào một cách thanh cao: thương bằng ba tắc lười!

*

Mà thương bằng ba tắc lười chưa ắt đã là không chính đáng. Vì những người

cho tiền phát gạo chắc đâu là thương kẻ khổ một cách chân thành!

Nếu luận theo lối ông quận chán đời La Rochefoucauld, ta sẽ cho rằng phần nhiều người thấy đồng bào lâm vào cảnh khổ, tự nhiên lo đến lúc chính mình cũng gặp bước không may, nên bỏ tiền gạo ra cho, chẳng qua là muốn “chú khi nì, mi khi khác”.

Nghĩ rằng cái khổ của người có thể một ngày kia thành cái khổ của ta, ta tỏ lòng thương, chưa ắt là thương người, có lẽ chỉ là thương ta trước nhất.

Còn lẽ nữa là khi thấy kẻ khốn cùng phải đói cơm rách áo, ta so sánh thấy cảnh mình sung sướng hơn, thì “rón tay làm phúc” ấy cũng vì ta muốn kiêu hãnh rằng ta hơn người nên cứu người.

Buổi đời mới, người ta nghĩ ra cách cứu người cũng mới.

Cứu bằng những cuộc vui.

Đàn hát du dương, cơm ngon rượu ấm, tung hoa ném giấy, thi sắc đẹp, thi áo quần, cuộc vui nào muốn có người đến họp cho đông, cũng phải lấy danh nghĩa hai chữ “làm phúc”.

Đứng trước lũ người đau khổ, thấy mình ăn sung mặc sướng, nếu lại dăm dăm bộ mặt thương người, há chẳng là làm trái với bụng mình hơn hở hay sao! Âu là trong khi đặc ý, ta chạy, ta nhảy, ta hí hớn nô đùa, ta cười cho nôn ruột, ta hát cho đình tai, để tỏ cho ai nấy hay rằng chỉ đồng tiền thừa đem vứt vào chỗ ăn chơi, cũng đủ làm phúc cho dân khốn nạn...

Người đời thường không ưa nhìn sự khốn nạn, không ưa chung chạ với sự khốn nạn, không muốn hiểu cái đau đớn của sự khốn nạn, cho nên muốn làm ơn cho dân khốn nạn, người ta phải tìm đến những cuộc hành lạc thì bụng nhân từ mới nảy ra.

Bụng nhân từ phải rử (nhử) bằng vui thú.

Ta há nên trách ai không biết thương người cho phải đường.

Phải thế cái tính tự nhiên của nhiều người là thích vui ghét buồn. Nỗi buồn, còn ai để ý tới cho thêm rầu rĩ. Nhưng nếu có đâu vui, cũng thử đi chơi cho đỡ buồn!

Vì thế, kẻ biết xử với đời thì nỗi buồn đừng ngổ với ai, có vui ta hãy gọi người đến chia. Như vậy, có lẽ khỏi trông thấy những vẻ thương người miễn cưỡng, nó còn dơ giáng hơn lòng độc ác bất nhân.

*

Làm phúc cho dân khốn nạn trong một buổi vui cười chưa đủ, người ta còn đặt ra mỗi năm một tuần lễ từ thiện.

Mỗi năm, trong bảy hôm, người ta công nhiên mời nhân dân mỗi người làm một việc từ thiện để vỗ về giúp đỡ một phần trong muôn phần, những nỗi đau khổ của các người không may.

Tuần lễ từ thiện, bốn chữ thật riêu (giểu) cột loài người.

Ở đời sự gì có luôn, không ai cần nhắc đến; khi phải nhắc đến, là sự ấy đã

mất đi rồi. Trong buổi giàu có, không ai cần nói đến tiền; lúc đồng tiền phải nhắc luôn nơi cửa miệng, ai ai cũng khốn khổ vì kinh tế. Đời thái bình không ai nghĩ đến bờ cõi; khi bị xâm lấn nguy vong, người ta mới tha thiết đến non sông. Không ai nói đến tự do, trong lúc ai ai cũng thường được tự do; khi phải hô hào tự do, ấy là người ta đương phải sống trong vòng giam hãm.

Ngày nay, người ta hô hào từ thiện.

Phải rằng từ trước không ai từ thiện cả, nên nay mới nghĩ ra chữ từ thiện đó chẳng? Hay là khi chưa hô hào từ thiện, ai nấy vẫn từ thiện đều đều, đến khi việc thiện phải cố động om xòm, ấy chính là vào buổi người ta chẳng còn ai, không lúc nào, từ thiện!

Tuần lễ từ thiện! Xã hội đã đến lúc

phải gào to bốn tiếng ấy, thật là một chứng cứ rõ ràng: xã hội phải thú thật rằng giáo hóa của tiền nhân không còn đủ sức răn dạy được ai, lòng thị dục mặc dầu phóng túng, không còn thế lực gì ngăn cản nổi, đạo đức luân lý đã suy vi đến cực điểm rồi. Đạo đức luân lý khuyến người ta lúc nào cũng nên có lòng từ thiện, nay không giữ được bụng từ thiện trong suốt đời, hãy thử tập từ thiện lấy trong một tuần.

Một tuần từ thiện, thử xem người đời đã thấy mỗi một hay chưa?

Tuần lễ từ thiện! Ai không từ thiện mới thấy cần từ thiện, có thấy cần từ thiện mới hết sức hô hào từ thiện. Xem cái sức hô hào từ thiện mạnh nhường nào, ta có thể nhận biết trình độ không từ thiện của xã hội đã cao vót đến đâu đâu...

Nói rằng người ta không từ thiện, chẳng là quá đáng lắm sao?

Những kẻ quanh năm cặm cùi, làm không đủ ăn, phải vay công lĩnh nợ, há chẳng nên thâm tạ cái ông chủ nợ đã vui lòng lấy tiền lãi ra mà xây lên nào trường học, nào nhà hộ sinh, để làm phúc cho mình!

Há chẳng là phúc lắm rồi, cho những người thợ suốt ngày “đem mồ hôi trán đổi lấy cơm” như chúa Jé-sus đã dạy, mà lại còn được đem con đến ấu trĩ viên, gửi vợ ở nhà tế sinh, là những nơi nhà cao vườn rộng người ta dựng lên để làm phúc cho mình!

Đời là tranh đấu. Tranh đấu tất phải có được thua. Luân lý khi đã công nhận

sự tranh đấu, ắt cũng đành phải công nhận sự được thua. Mà bởi luân lý bao giờ cũng phải giữ tính cách luân lý, nên mới khuyên kẻ được rõ (nhỏ) một giọt lệ thương người thua.

Xã hội bởi vậy đặt ra cơ quan cứu tế.

Cơ quan cứu tế, cũng như Hồng-thập-tự, một việc phúc gây ra bởi nạn chiến tranh.

Cơ quan cứu tế, cũng như giải Hòa bình, một giải thưởng đặt ra do Nobel, nhà phát minh chất cốt mìn.

Rút lại mỗi khi xã hội làm một công việc gì có tính cách đè ép số đông, làm tổn thương cho số đông, thì số ít người được hưởng lợi, dù thật lòng hối quá hay không, lại bày ra một cơ quan từ thiện, lấy đôi lời nói khéo dụ lũ khốn cùng,

khiến cho họ cảm động, rồi quên hờn, rồi lại hết lòng ca tụng con người “hảo tâm”...

Tự do, bình đẳng, bác ái

Khách chơi đêm tha thần trên hè, thường gặp thấy một hiện tượng của cảnh khốn cùng trong xã hội: một người quần áo lam lũ, râu tóc bẩn thỉu, nằm co quắp, đầu gối lên cánh tay.

Trông giấc cô miên, biết đâu người ấy chẳng cũng có cửa nhà, nhưng cửa nhà đã trôi theo với lớp ba đào? Biết đâu người ấy chẳng cũng có vợ con, nhưng vì cảnh ba đào mà vợ xách nón ra đi, con thì giàu sang hưởng lấy một mình?

Biết đâu! Mà cũng chẳng ai muốn nghĩ bi quan nhường ấy. Tuy là ở buổi trực lợi, ích kỷ, mặc lòng, cũng còn có người nghĩ được như thầy Khổng rằng ăn cơm hẩm, uống nước lã, khoan tay mà gối, trong đó cũng là một cái vui.

Song le, ví có thật người kia là khốn nạn, thì âu cũng là mình làm mình chịu, kêu mà ai thương!

Chẳng những không ai thương, người ta còn muốn đem giam lại nữa.

Phải, giam lại, vì người ấy phạm một tội lớn: dám công nhiên phản đối chữ bình đẳng và bác ái của loài người.

Giữa lúc đêm khuya, ai nấy đều yên giấc trên nệm lò xo, dưới luồng gió điện, cùng nhau vui hưởng cuộc đời thanh thoi mát mẻ, sao người kia lại không cùng

thiên hạ cùng bình đẳng với bác ái? Thiên hạ ai cũng rộng lòng yêu cả mọi người, ai cũng muốn mọi người cùng ngang-hàng nhau cả, không ai muốn có chênh lệch, hiềm thù. Thử hỏi những người đạo đức, ai cũng nói thế, ai cũng khuyên thế. Vậy mà người kia sao lại một mình lẩn lóc ra đầu hè, vui mình trong cảnh khổ? Há chẳng phải làm thế là khinh bỉ, là ngạo mạn, là bêu riếu nhân loại, dám coi như trong nhân loại không còn kiếm đâu ra được chữ bình đẳng với bác ái, nó chính là hai điều tốt đẹp trên thế gian?

Thế thì còn điều tốt đẹp thứ ba nữa, tên nó gọi tự do, người ấy cũng chẳng nên hưởng nữa làm gì, thật đáng để cho người ta giam lại...

*

Tự do, bình đẳng, bác ái, ba điều tốt đẹp trên thế gian. Tốt đẹp, vì cả ba cùng chỉ có ở trong vòng lý tưởng, cả ba cùng chỉ vì cái ánh sáng của lý tưởng chiếu rọi tới, cho nên mới lập lòe.

Thật ra, bác ái là yêu mình trước đã, rồi mới yêu người. Lắm người yêu mình còn chưa xong, trách gì không yêu đến người ngoài.

Bình đẳng, trong đời chỉ có hai lúc: lúc lọt lòng ra, lúc thác đi. Ai cũng phải do một nơi mà đến, ai cũng cùng về một nơi. Còn trong khoảng sinh hoạt mà có một lúc bình đẳng nữa, có lẽ chỉ là lúc thân thể phải tổng khứ những chất thừa. Xấu đẹp sang hèn, giàu khó, dù ở trong phòng kiếu Ăng-lê hay ngoài cánh đồng bát ngát, ai cũng nhơ bản đến thế là cùng.

Chữ tự do, thì thật đốt đuốc cũng không tìm ra. Ở với xã hội, tự do của ta phải lấy tự do người khác làm giới hạn, tự do là trói buộc nhau vậy. Dù đến khi lạc ra ở một mình nơi hoang đảo, ta vẫn không được tự do: lúc nào ta cũng còn chịu ảnh hưởng sâu xa ngấm ngấm của vũ trụ, của nòi giống, của tổ truyền...

Than ôi, ta cứ tưởng là tự do, mà rút lại, ta chỉ là một vòng xích, một hạt huyền, của chuỗi dây nhân loại dài dằng dặc trong thì gian. Những thói quen đời ông cha ta để lại: những cách bận quần áo, cách nấu ăn, cách đi đứng nằm ngồi, cách khóc để tỏ sự buồn, cách cười để tỏ sự vui, ta như vô tình mà thật là đã làm theo một cách yên lặng, ngoan ngoãn.

Nếu không có cái phương sách đào luyện âm thầm và nhuần thấm ấy, mà ta gọi là thói quen, ta đã chẳng đóng nổi

được những vai tuồng thiên cổ ở trên sân khấu đời...

*Cái lăm thiên cổ là ở
bàn ăn và giường ngủ.*

A. FRANCE

Truyền rằng một bữa, mấy bậc
quân tử nước Cổ Hy Lạp họp
nhau ở nhà tướng Périandre là tiếm chủ
đất Corinthe.

Thuyết lý về cõi đời trần tục, các ngài
đồng thanh rằng thế gian có hai thứ đẹp:
hoa và đàn bà; lại có hai thứ tốt: đàn bà
và rượu.

Cho hoa là đẹp, không phải riêng gì hiền giả Hy Lạp. Những thi nhân họa sĩ ở phía nào trên địa cầu, cũng cùng chung ý ấy.

Nhưng cho rượu là tốt, có lẽ chưa ca tụng được hết đức hay của rượu.

Rượu còn tạo hạnh phúc cho đời người, gây ra nhiều tình cảm đôn hậu, mưu được nhiều khoái lạc cho tâm hồn.

Thế gian không rượu, có lẽ sẽ thành như một bãi sa mạc, vắng ngắt buồn tênh!

Có rượu, anh em ở với nhau đời, láng giềng cũng thân như một nhà. Có rượu, tình yêu đương chóng đắm thắm và dễ lả lơi. Có rượu, ta ở ác, người cũng khen lành, ta lừa dối người cũng khen tử tế.

Ta mới có chòm râu đen, muốn được tôn là cụ, ta lo được chút cữu phẩm, muốn được gọi là quan, tất phải nhờ hơi rượu, Có rượu, ta sẽ sung sướng lắm, vì vô số người sẽ cung kính ví ta như Mạnh Thường Quân, mà cái hào khí của ta, họ bảo nó bốc cao lên ngàn trượng...

*

Nước Tề xưa có một người chiều nào về đến nhà cũng thấy ra vẻ no say phởn phơ.

Vợ cả hỏi thì hôm nào cũng đáp rằng có người sang trọng rước mời. Nghe nói sinh nghi, vì không từng thấy có khách nào đến chơi với chồng, mà chồng thì hôm nào cũng đi ăn cỗ, người vợ cả bèn lén theo chồng một hôm, xem đi những đâu.

Đi sang đến xứ Quách Đông, thấy bọn người cúng tế bên mồ, cúng rồi cùng nhau ăn uống, người chồng đến xin ăn, ăn chưa no, lại đi tìm đám cúng khác. Vợ cả thấy thế, trở về kể lại cho vợ lẽ nghe, hai người tủi thân cùng khóc lóc...

Ngày nay, bọn phong lưu phú quý có lẽ chẳng cùng tâm lý với anh nước Tề: rượu thịt xin được vẫn là ngon, dù cách xin ấy đốn mạt đến thế nào.

Còn các bậc mệnh phụ bây giờ, chẳng ai tội gì khóc lóc tủi thân như người trước nữa: các bà ấy chễm chệ trong xe hòm kính...

*

Rượu là tốt, hoa là đẹp, hai thứ đã đáng yêu đáng quý biết chừng nào!

Phương chi cái thứ gồm được cả hai đức tính của hoa và rượu, cái của vừa tốt lại vừa đẹp: đàn bà vậy ôi!

Napoléon nhường cũng ngưỡng mộ cái của vừa đẹp vừa tốt, nên không những đã đem thân bách chiến mà hàng phục dưới chân đàn bà, lại còn khởi xướng ra một bộ luật, bắt dân cũng phải như mình, chiều chuộng đàn bà thôi hết nước. (Bộ luật này bây giờ làm khổ lây đến bọn đàn ông xứ ta, những người tự nhiên thấy mình lạc vào quyền hạn của tòa tây án. Những người này không được phép làm ông chồng phương Đông như trước nữa: muốn bỏ vợ, bây giờ phải lo muôn nỗi thiệt thòi).

Nhưng mà, hiền giả đã nói rồi: đàn bà vừa tốt lại vừa đẹp.

Thế thì những ông chồng còng lưng đi kiếm miếng, một ngày kia có bị riều là “mọc sừng” hay bị tống một liều thuốc độc, chẳng còn nên oán hận làm gì.

Cái của vừa đẹp vừa tốt là cái đáng để cho các ông hy sinh cả một đời xuân xanh.

Hỡi người bệnh trong nhà thương, đừng rên rĩ nữa! Dẫu có đau xương buốt thịt, cũng khá yên ủi rằng mình đã tận tụy với cái vừa đẹp vừa tốt trong thế gian.

Hỡi kẻ tù tội nơi nhà đá, chớ có phàn nàn: dẫu phải ăn cả mắm với cơm vôi, cũng nên tự hào rằng đã vì cái của vừa đẹp vừa tốt trên đời, mà làm nên thủ đoạn lớn lao: lường đảo, bội tín, đâm chém người đồng loại...

Riêng cái đẹp đã là cái đáng thờ: họa sĩ thi nhân sẽ quả quyết với ta như thế. Huống chi cái đẹp ấy lại còn thêm đức tốt nữa!

Các cô ơi, can chi mà nhảy xuống hồ Gươm!

Ta uốn chứ không gãy

Theo La FONTAINE

Xử thế, thế nào cho khỏi mếch
lòng người, đối đãi sao cho ai
ấy cùng hỉ hả?

– Phải ở cho tròn.

Đó là lời khuyên nhủ mà những kẻ
khôn ngoan bảo rằng nó mở cho ta một
cuộc đời êm đềm vui vẻ.

Tròn là êm ái, dễ lăn đi: êm ái, luân
chuyển, bản tính của sự sinh hoạt.

Trái lại, vuông là cứng cỏi, là khắc khổ, là đứng dừng: cứng cỏi, khắc khổ, đứng dừng, biểu hiệu của sự chết.

Áo quan, tiểu sành, hình vuông.

Bao nhiêu hình thức của sự sinh hoạt trong vũ trụ, hết thảy đều phải xoay tròn.

Nước chảy xiết đến đâu, sóng cũng phải cuộn cuộn. Hơi nóng bốc ran, nghi ngút từng vòng. Chân tay cử động, vạn vật xô đẩy, đều theo những đường cong. Đồng tiền có tròn mới lưu thông; trái núi muốn bền, đỉnh tất phải không nhọn.

Những thứ gì sống mãi được ngàn thu, là thuộc vào hình tròn.

Bao nhiêu vật vuông vắn, ngang bằng số ngay, đều tự óc loài người nghĩ ra, không thể chống lại được cuộc đào thải. Là

bởi đứng trước lẽ huyền bí của thợ tạo lẽ huyền bí mà bậc triết nhân hình dung ra bằng cái vòng tròn đứng trước lẽ huyền bí của thợ tạo, người ta càng không hiểu bao nhiêu lại càng thêm khát khao ánh sáng, muốn cho mọi vật đối với mắt và óc mình, phải rõ ràng, dễ hiểu.

Muốn thế, nên vạch ra đường thẳng và hình vuông.

Thẳng với vuông, trái lại luật sinh tồn, còn lâu bền sao được?

*

Tròn là vui vẻ, vuông là buồn rầu.

Ba quân ví cứ quay thành vòng tròn, có lẽ người ta chỉ ôm nhau mà nhảy múa, không còn thiết gì đến đánh giặc. Bởi cơ

ngũ xếp thành hình vuông, sát khí mới đặng đặng, người ta như bị thúc giục đi đến côi chết.

Cột cờ cắm thẳng, một cơn gió to có thể bẻ gãy làm đôi. Cây cỏ uốn éo, gập bão lớn cũng không tụt được gốc.

Cho nên ai muốn sống lâu dài, phải cong lưng như cây cỏ, uốn theo hình tròn. Còn những ai muốn ngay thẳng như cột cờ, nên chịu trước cái số kiếp ngắn ngủi.

Long lóc như bánh xe, chỗ nào cũng lăn, phải thế mới tiến được bước trên đường đời. Sắc cạnh, vuông, chỉ có thể đứng trơ một mình, yên một chỗ.

Tròn là ý muốn của cơ thể, muốn được đầy đủ một cách dễ dàng. Cơ thể nào cũng muốn được êm đềm vui vẻ.

Vuông mới rõ là ý chí của linh hồn, cái linh hồn sáng láng chỉ biết ưa những vạch thẳng đường Tròn vuông bởi vậy có thể coi là hai lý tưởng ở đời.

Có kẻ muốn vuông mà không được, nên phải quay tròn. Họ còn thành thực hơn những kẻ chẳng tròn mà cũng chẳng vuông...

Mộc mạc ư nhìn lọ điểm trang

Thơ cổ

Đáng lẽ giản dị phải là tính tự nhiên của mọi người. Nhưng không: mỗi lúc người ta lại bày vẽ thêm ra cho rườm mới nghe. Nhiều vật ta trông thấy có vẻ tục tằn, hay kiểu cách, chỉ vì không được giản dị cho nên. Người tự nhiên bao giờ cũng đi thẳng từ ý đến việc, nên vẫn có vẻ thật thà.

Kiểu cách là một cách xa xỉ. Phí thời giờ, phí sức cử động, phí lời nói.

Khi nào trừ bỏ được trong lời nói những tiếng thừa, những câu ba hoa vô ích, lời nói mới thật là để phô diễn tư tưởng, chứ không phải là vẽ vờ che đậy cho tư tưởng.

Nhưng nói cho gọn, không phải dễ. Có nhiều người biết đời, trải đời, lại học rộng nữa, nhưng không ai hiểu rõ cái trí thức, cái từng trải cái học vấn ấy thế nào, chỉ vì người ấy không biết diễn ra cho gọn gàng, minh bạch.

Pascal viết một bức thư quá dài, dưới phải biên một câu: “Xin lỗi ông, tôi không kịp thì giờ viết ngắn đi được”. Viết cho ngắn mà vẫn đủ ý, há chẳng phải nhiều công phu lắm ru?

Cái bí quyết của sự đẹp là ở cách giản dị. Cái áo giản dị vẫn đẹp hơn, nhã hơn cái áo diêm dúa.

Về mỹ thuật cũng vậy, hễ xa sự giản dị là mất cả vẻ đẹp. Những thời đại nào mà tài tử tìm tòi lối phô diễn cầu kỳ, ấy là những thời đại suy đồi.

Tư tưởng càng giản dị lại càng rõ rệt.

Cái họa lớn nhất của sự giàu có, có lẽ là ở chỗ làm cho cuộc sinh hoạt thêm phiền phức: “phú quý sinh lễ nghĩa”. Càng nhiều cần dùng, càng thêm bó buộc, bỏ được sự cần dùng nào là sung sướng được thêm một ít: sự sung sướng phải tìm ở trong sự biết nhịn những cái không thật cần...

Tri kỷ tìm nhau mắt đã mờ

TCHYA

Người xưa nuôi chí lớn hay giữ tấm lòng cao, chỉ mong được một người biết cho, là suốt một đời tự lấy làm an ủi.

Nhưng tìm cho được một người biết mình, không phải dễ: có người đến chết, còn hậm hực chưa gặp ai tri kỷ.

Tuy nhiên, ta nên nhận rằng có tự biết mình đã lắm, mới cầu khẩn cho gặp kẻ cũng biết mình như mình đã tự tri.

Cho nên tìm ra được một người như thế, thì vui mừng uống ngàn chén rượu còn là ít; người ấy chẳng may mất đi, thì sầu khổ, đập vỡ quách cây đàn.

Ngày nay trong đám văn nhân, nhiều người không nghĩ thế. Đáng yêu tri kỷ bao nhiêu, bây giờ các ngài lại thù tri kỷ bấy nhiêu. Các ngài có vui mừng, thì lại chỉ vui mừng với những kẻ thật không biết mình.

Những người được trời phú cho một sức tưởng tượng mạnh khác thường, nhìn bản thân qua một lần kính hiển vi, thấy mình quả nhiên tài đong tám đấu. sách chở năm xe, vội xưng thần xưng thánh trong làng văn tự.

Bọn người xu nịnh, được rước mời chiều chuộng, thổi họ lên cao trên chín tầng mây. Họ hừng mũi, vuốt râu, cho

bọn ấy thật đúng là tri kỷ của mình.

Còn tri kỷ của họ – những người biết rõ tài lực và tâm tính họ – hoặc có nói thật để mong cho tỉnh ngộ, thì họ lại cảm hờn giận dữ, vuốt bụng thở dài, ngâm một giọng buồn so:

...quốc sĩ xưa nay,

Chọn người tri kỷ một ngày được chẳng!

*

Một ngày, mấy ai đã chọn ra tri kỷ. Vì biết người như thế nào mới thật là tri kỷ?

Trang Chu với Huệ-tử cùng đi chơi. Thấy trong lạch có đàn cá bơi, Huệ-tử nói:

– Trông đàn cá bơi lội, vui vẻ lắm thay!

Trang Chu hỏi:

– Người há phải là đàn cá đấy ư, mà biết rằng cá vui?

Huệ–tử cãi:

– Thế người không phải là ta, sao biết được rằng ta không biết cá vui?

Đoạn cãi lẩy này chưa ắt đã là nguy biến như thầy Trang nghĩ. Mình không phải là người ta, thì nói rằng biết người ta, biết tâm tính bụng dạ người ta, ấy là một lời không thật. Lời ấy rồi sẽ làm cho ta lắm không biết đến đâu.

Người mà ta cho là biết ta, là tri kỷ của ta, thường chỉ là một người biết đánh vào chỗ yếu, biết “gãi vào chỗ ngứa” như

lời tục nói, biết tìm ra cái chỗ ta tự lấy làm đắc sách, mà khen mãi vào, tăng bốc mãi lên.

Từ Hải hỏi Kiều:

– Lại đây xem lại cho gần, phòng tin được một vài phần hay chẳng?

Đáp lại một câu hỏi tự phụ, ngu đại, nhường ấy, Kiều sẽ nói sao? Gái trầm luân phải giữ lễ với khách, và cũng đương mong người tế độ, tất phải thưa rằng:

... lượng cả bao dong, Tấn Dương được thấy mây rồng có phen!

Đứng anh hùng bấy giờ, nếu là người từng trải, biết giá trị của những lời xu phụ, thì đã chẳng:

– nghe lời vừa ý gật đầu, cười rằng “tri kỷ trước sau mấy người”!

Đại vương sau này ra chôn chân giữa bãi sa trường, có biết chẳng mình đã lầm tưởng cô Kiều là tri kỷ, như Kinh Kha lầm với Yên Vương, Hàn Tín lầm với Bái Công?

Than ôi, ngàn thu ôm hận chỉ vì một câu tri kỷ đó mà thôi!

*

Người xưa có lời rằng: “gái vì kẻ yêu mình mà trang điểm, kẻ sĩ vì kẻ biết mình mà chết”. Thiếu nữ tô son điểm phấn để mua chuộc lòng kẻ yêu mình, ấy là một sự dễ làm, vì sắc đẹp ở trong hữu hình; quan niệm về đẹp tuy ở mỗi người một khác, làm vừa lòng người cũng là một việc công phu, nhưng đối với đàn bà thì lại sắc đẹp chỉ cốt tự mình biết lấy là đủ

khiến được lòng người rồi: người đàn bà đẹp, lại biết mình rằng đẹp thì còn ai trái ý được đâu!

Đến như kẻ sĩ mà liều chết để đền ơn tri kỷ, lắm khi lại là chỉ vì mình mà chết, chết vì tấm lòng tự ái của mình.

Tình tri kỷ là một tình cảm ẩn náu trong vô hình, lấy gì mà biết? Một lời vừa ý, góp vào với sức tưởng tượng mà lòng tự ái thối ra, vẫn có cái năng lực làm mờ lý trí...

*

Ở đời gặp nhau đã khó, biết nhau hiểu nhau, lại càng khó hơn.

Có cuộc gặp gỡ bằng thân yêu, thân yêu vì chưa hiểu nhau nên lầm nhau, đến khi hiểu nhau rồi, lại hóa thờ ơ.

Có cuộc gặp gỡ bằng xung đột, xung đột vì chưa hiểu nhau, hiểu nhau rồi thì khẳng khít gỡ khôn ra.

Cho nên ngoài sự gặp nhau ở hình thức, còn có cuộc gặp nhau lâu bền đắm thắm trong tinh thần. Một câu văn, một tiếng đàn, một dòng chữ viết, một nét đan thanh, thường gây nên những cuộc gặp gỡ lạ lùng.

Cuốn sách in ra, tiếng đàn lắng đi, ấy đều là nhịp rung động của tâm hồn truyền ra khoảng không. Tản mát ra bốn phương, nhịp rung động ấy sẽ gặp bao nhiêu nhịp rung động khác của bao nhiêu tâm hồn cùng hòa chung một tiếng tơ lòng.

Ta gặp những ai? Nào biết đâu!

Ngoài số người mà ta thuộc mặt nhớ

tên, còn bao nhiêu người tuy quen mà chưa biết, bao nhiêu người với ta cùng cảm thông trong linh tính mà chưa từng ngó thấy hình hài.

Như thế, nhà thi sĩ há nên chán nản mà ngậm: “Đời vắng tri âm sống cũng thừa”. Hãy khá ngậm ngùi rằng còn biết bao tri âm lẫn quất ở quanh mình mà không được gặp.

Không được gặp, ấy là một sự không may. Vì có khi cả hạnh phúc một đời là tùy ở một phen gặp gỡ.

Hạnh phúc thường đi lẫn bên mình, mà ít khi ta nhận thấy. Một dịp thang, một chuyến tàu, một căn phòng khách hay một cuộc xung đột cón con, hạnh phúc ẩn hiện quanh quất chứ không xa. Nhưng, nhưng... có nhiều lúc ở đâu xui đến, ta không tiện ngỏ lời, không dám

tỏ lòng, ta dùng dằng dẩn đo, tưởng như còn nhiều cơ hội khác đến sau, lúc nào cũng kịp. Có ngờ đâu cơ hội thoáng bay qua!

Cơ hội cũng như thời giờ, đã đi là mất.

Hạnh phúc ở đời, có lẽ ai cũng đã từng đi đến, nhưng ai cũng phàn nàn cuộc đời đau đớn, phải chăng là vì ai cũng đã bỏ lỡ mất hội tao phùng...

✱

Bạn mà trời chọn sẵn cho ta là anh em, yêu nhau ghét nhau, hiểu nhau hay lầm nhau, gặp sao ta đành chịu vậy, không còn mong đổi. Thế thì anh em sao quý cho bằng bè bạn, là những người ta có quyền chọn lấy cho hợp lòng ta, cho

giống chí ta. Ấy vậy mà từ trước đến nay, những bạn ta gặp được, chọn được, lại chưa ắt đã là tri kỷ, còn bạn tri kỷ thì tuy có đấy, ta lại ít có dịp tìm ra...

Nào ai ai xưa kia tin rằng mình đã gặp tri kỷ vì “mình là mình, tri kỷ của mình chính là người mình đã biết” đôi bên thật là ý hợp tâm đầu! Đến nay nằm trong đêm tối của thời gian, đã thấy rõ chưa, cái mặt thật của tình tri kỷ?

Ta ngờ rằng không ai không phải than cùng Aristote một giọng chua cay:

Này các bạn tri kỷ của ta ơi, ở đời không ai là tri kỷ hết!

Ai định chung gì với thế nhân!

TCHYA

Ông Tchia thường hay ngâm nga
mấy vần thơ ngao ngán, nghe
lạnh lẽo như tro tàn:

Bạn, đến phong trần, trao oán hận,

Gái, tàn ân ái, phải tình chung.

*Tưởng yêu được mãi người trong
mộng*

Mộng đến tàn canh cũng nào nùng⁴...

⁴ Tchia “Đầy vơi”

Đời đã đến lúc không yêu được gì, không tin được gì, đời đã đến lúc phải đặt tấm tin yêu vào rường huyền mộng, mà rồi mộng cũng lại tàn, không trách ông Tchya chán đời cũng phải:

Thôi thì mặc quách trò dâu bể

Ai đỉnh chung gì với thế nhân⁵!

Không trông mong gì ở thế nhân, vì thế nhân đầy những thói, tật, tội, lỗi, không sửa được, không thay được. Nhưng, phải đã từng bần pha sắc xám, nắng dầm màu dâu, từng chịu đau thương đã lắm, mới biết không “đỉnh chung gì với thế nhân”. Còn những bác nông phu cầm cày mà tay buông thông theo, lưỡi cày chỉ lướt trên mặt đất, thì luống cày nông nổi, đã thấy được gì mà “đỉnh chung”!

⁵ Tchya “Đầy với”

Tuy vậy, nên tin rằng dù trải hay không, ta vẫn phải “đỉnh chung với thế nhân”, theo cái sức ta có thể làm được phần nào. Vì không phải chỉ bây giờ, thế nhân mới có nhiều thói, tật, tội, lỗi. Xưa cũng như nay, Đông cũng như Tây, thế nhân đã từng bày ra biết bao nhiêu mối cừu hận trong ái tình, sự giả dối trong xã giao, điều lầm lẫn và ức hiếp của luân lý với luật pháp... Mà đời nọ qua đời kia, nước này qua nước khác, vẫn có bấy nhiêu cái dở, những lời than vẫn nhắc đi nhắc lại cũng vẫn bấy nhiêu, không thêm, không giảm. – Vì sao? Vì điều dở lúc nào cũng rứa, mà người ta thì lại mỗi lúc một khác đi: mỗi lúc lại thêm một bọn người mới lớn lên, mới bước chân vào đời, chưa từng trực tiếp với cái dở, bây giờ mới vỡ dần cái dở, và bước qua cái độ đường phải qua để đến bến từng trải.

Những chuyện thần tiên, trẻ đời nào được nghe cũng lấy làm sung sướng. Anh hề tối nào cũng chỉ nhắc lại có một trò, mà tối nào cũng làm được cho người cười. Những chuyện bi thảm, hùng tráng hay xấu xa đề tiện chép trong lịch sử, đời nào cũng ham xem, mà đời nào xem cũng thấy có những cảm giác mới mẻ trong tâm khảm.

“Cũ người nhưng mới ta ». Nếu không có cái luật ấy thì làm gì có những cuộc thuyền chuyển trong làng phần son, và trong... ngạch quan lại! (Trong ngạch quan lại cũng như trong làng phần son, những cuộc thuyền chuyển tạo cho người ta một mối hy vọng: quan mới sẽ tốt hơn quan vừa đổi đi... Hy vọng tuy là hão huyền nhưng vẫn có ích, bởi nó là hy vọng).

Có mấy điều cốt yếu của nhân sinh, mấy ông giáo tổ đã vạch ra rõ ràng từ mấy nghìn năm về trước. Ngày nay, ta đừng tưởng làm nên điều gì mới, tìm ra được sự gì lạ. Ta chỉ có nhắc lại những điều đã có người biết từ nghìn xưa.

Nhưng đừng bảo rằng điều đã biết từ nghìn xưa, thì chẳng cần gì nhắc lại. Ta nhắc lại, vẫn có người ham nghe, vì thế gian còn nhiều người chưa được biết những cái mà người xưa đã biết...

*Bạc thiên tài không có bạn
vì không có ai bằng mình.*

Theo A. FRANCE

 ường Vương nước Sở hỏi Tống
Ngọc:

– Nhà người hản có khuyết điểm
trong tính hạnh, nên trong nước không
có mấy người khen, Phải thế chăng?

Tống Ngọc đáp:

– Trong nước không có ai khen, hạ
thần thật rất lấy làm vẻ vang. Khi xưa ở
kinh đô, có một nhà ca nhạc trứ danh.

Buổi đầu hát khúc Hạ-lý-ba-nhân, cả thiên hạ đều nức nở khen hay. Rồi hát khúc Dương-a-hệ-lộ, thì người khen còn có vài trăm. Hát đến khúc Dương-xuân-bạch-tuyết, chỉ còn chừng hơn mười người bằng lòng.

Là vì khúc hát ý càng cao, người hiểu lại càng ít.

Chim phụng giương cánh bay lên chín tầng mây, dọc ngang trong khoảng mênh mông vô tận; chim yến đậu ở hàng rào, không cùng chim phụng biết trời đất là rộng, nên chê chim phụng là lung lảng.

Cá còn sớm dậy ở Côn Lôn, trưa nằm sườn non Kiệt Thạch, tối bơi về biển Mạnh Trư; cá chép ở ao tù, không cùng cá còn biết sông biển là lớn, nên chê cá còn là hiểu sự.

Người ta, tư tưởng càng cao, tính hạnh càng quý, lại càng ít có người biết đến. Cho nên lời chê của thiên hạ, hạ thần vui lòng nhận lấy, và lại mong thiên hạ càng ngày càng chê thêm mãi lên...”

*

Nay có kẻ được khen ít chê nhiều, ví có đem lời Tống Ngọc mà phân tỏ, thiên hạ ắt cho là lấy khí kiêu căng mà che đường ngụy biện.

Thiên hạ sẽ bảo: “Người có phải là Tống Ngọc chẳng, mà nói thế? Mà đến ngay Tống Ngọc nữa, đã chắc có tài hay như cá còn chim phụng kia chưa? Huống chi, xét kỹ ra, phụng với còn dẫu có tài hay, chưa ắt đã ích cho đời bằng yến với chép”.

Lời thiên hạ thật là danh thép.

Khúc Hạ-lý-ba-nhân được cả thiên hạ cùng khen, có sao nghệ sĩ không chuyên riêng về khúc ấy?

Can chi tìm những khúc cao xa để rước lấy tiếng chê?

Giữ lấy mực thường của thiên hạ, nghệ sĩ có chẳng chỉ nên dẫn lòng mà theo ý muốn của phần đông, dẫn lòng mà không rời (dối) theo phụng với côn, bay tới khoảng cao, bơi ra chỗ rộng.

Như thế, nghệ sĩ phải đừng suy tính, đừng nghĩ ngợi, đừng cố tìm cái hay cái đẹp trong lòng mà tỏ ra. Nghệ sĩ chỉ nên đem cách thẩm mỹ riêng, đem những cao vọng về mỹ thuật, đem những công trình của mình, thu rút lại cho vừa đúng vào cái tầm thường của chúng nhân, là đủ rồi.

Nhưng than ôi, nên theo ý người hay ý mình?

Đó là nỗi khổ tâm của nghệ sĩ.

Đáp lại ý muốn của quần chúng thì được khen lao, nghe theo tiếng gọi của nghệ thuật thì bị thiên hạ rẻ rúng.

Chọn lấy đảng nào?

Nghệ sĩ không phải như Tống Ngọc, chỉ cầu cho tiếng chê nhiều mãi lên, để rõ rằng mình càng ngày càng cao hơn thiên hạ.

Không, nghệ sĩ không màng điều rẻ rúng, cũng không để ý đến tiếng khen lao, chỉ thản nhiên lựa tiếng đàn giọng hát mà tiến lên, này khúc Dương A, này cung Bạch Tuyết...

Vì nghệ sĩ không phải là khinh rẻ

thiên hạ, mà muốn tìm lấy cái vui ở trên cao vọi vọi, để hưởng riêng mình.

Nghệ sĩ vẫn hiểu rằng nghệ thuật là của chúng nhân. Lòng khách tài hoa vẫn mong thiên hạ cùng tiến lên với mình, cùng mình đứng trước tận thiện tận mỹ mà thưởng thức cái thú thanh cao của tinh thần.

Thiên hạ ví bằng không theo, nghệ sĩ âu cũng đành lời thóa mạ, và tự an ủi rằng đã không vì những tiếng khen vô vị mà quên cái thiên chức của mình.

Thiên chức ấy, là đem nghệ thuật ra phô dưới mắt chúng nhân.

Còn gặp trắng hay xanh, điều ấy lại tùy ở may với rủi!

HẾT

BAT

Sau khi đọc tập TRƯỚC ĐÈN, tôi chợt nhớ cổ nhân có câu:

“Nhân sinh hữu tam phó thống khốc lệ: nhất phó thống khốc, thiên hạ đại sự bất khả vi; nhị phó thống khốc, văn chương bất ngộ thức giả; tam phó thống khốc, tùng lai bất ngẫu dai nhân.”

Xin tạm dịch ra như sau này: “Đời người có ba điều đáng rỏ nước mắt: một là đại sự trong thiên hạ muốn làm mà

không xong; hai là văn chương không gặp người thưởng thức; ba là khó tìm được bạn dai nhân.”

Thì ra tình cảnh ấy, cổ nhân từng đau đớn, mà kim nhân cũng chẳng khác gì!

Nam Định ngày 15 Décembre 1938

Tô Canh Trần Đình SỐC

SÁCH NÀY IN RA 1.560
QUYỂN TẠI NHÀ IN TÂN DÂN
HÀ NỘI. 1500 QUYỂN BẰNG
GIẤY THƯỜNG, 60 QUYỂN BẰNG
GIẤY XỐP THƯỢNG HẠNG
KHÔNG BÁN. IN XONG
NGÀY 16 MARS 1939.

Ngày 16 tháng 5 năm 1939
Tủ sách NHỮNG TÁC PHẨM HAY
sẽ xuất bản:
ĐÚA CHÁU CỦA ĐỒNG BẠC
Tiểu thuyết xã hội của
LÊ VĂN TRƯỞNG

PHÙNG TẮT ĐẮC

TRƯỚC ĐÈN

PHIẾM LUẬN



NHỮNG TÁC PHẨM HAY
Nhà xuất bản Tân Dân Hà Nội